

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI**



**Công ty cổ phần Thủy điện ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI**  
Số 80A, Trần Phú, Phường Lộc Sơn, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam  
[www.dhd.com.vn](http://www.dhd.com.vn)



**BÁO CÁO**  
**THƯỜNG NIÊN | 2019**

# MỤC LỤC

**THÔNG TIN CHUNG 05**

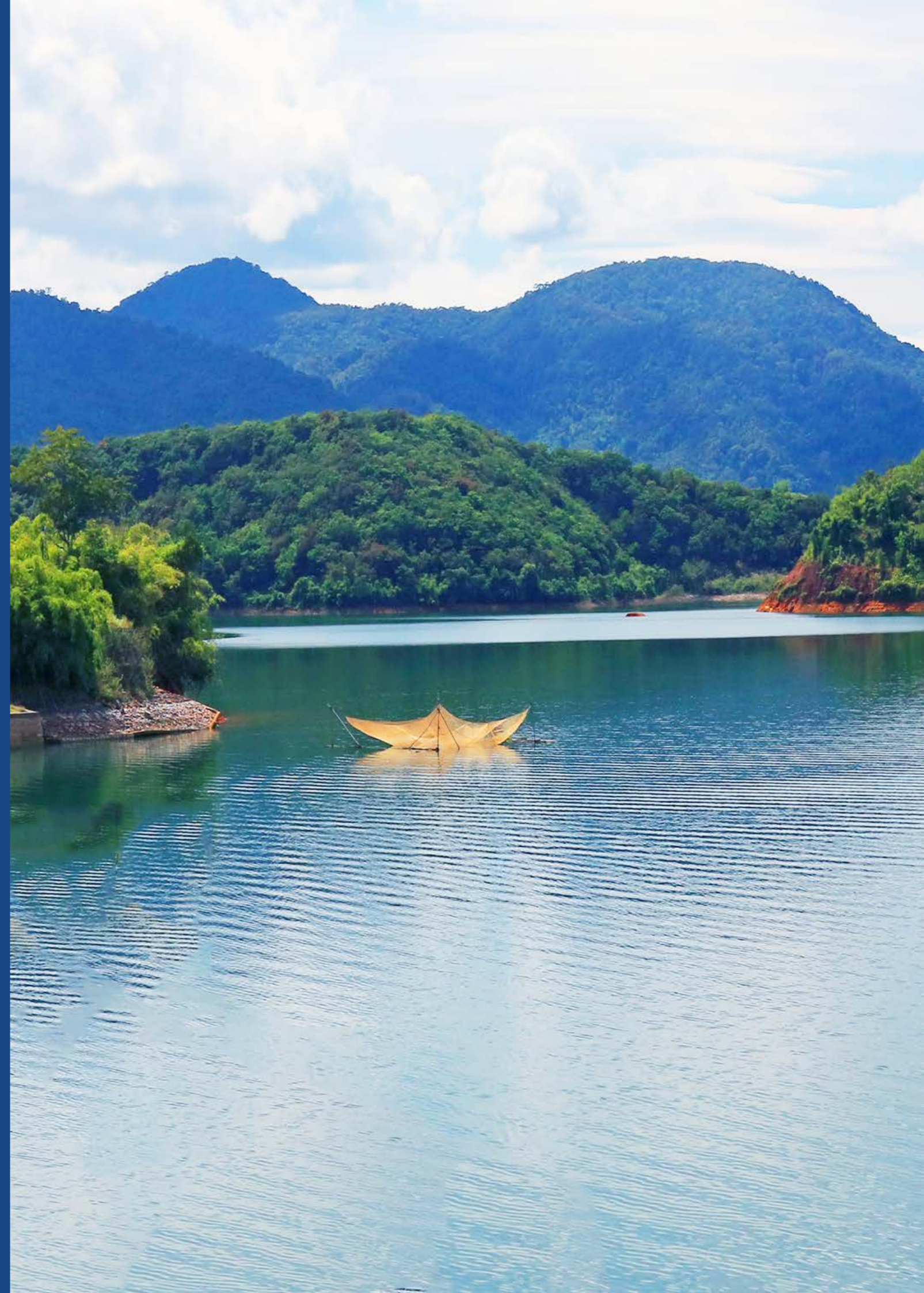
**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 23**

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 43**

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 61**

**QUẢN TRỊ CÔNG TY 67**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2019 81**





# PHẦN I

## THÔNG TIN CHUNG



**Thông tin khái quát**



**Quá trình hình thành và phát triển**



**Ngành nghề và địa bàn hoạt động**



**Mô hình quản trị và bộ máy quản lý**



**Định hướng phát triển**



**Rủi ro**



## Thông tin khái quát

### Tên giao dịch

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

### Tên tiếng Anh

Da Nhim - Ham Thuan - Da Mi Hydro Power Joint Stock Company

### Giấy chứng nhận ĐKDN

Số 5800452036, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 18/05/2005, thay đổi lần 8 ngày 06/07/2017.

### Vốn điều lệ

4.224.000.000.000 đồng

### Địa chỉ

Số 80A, Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

### Số điện thoại

(0263) 3728 171

### Số fax

(0263) 3866 457

### Website

[www.dhd.com.vn](http://www.dhd.com.vn)

### Email

[trusochinh@dhd.com.vn](mailto:trusochinh@dhd.com.vn)

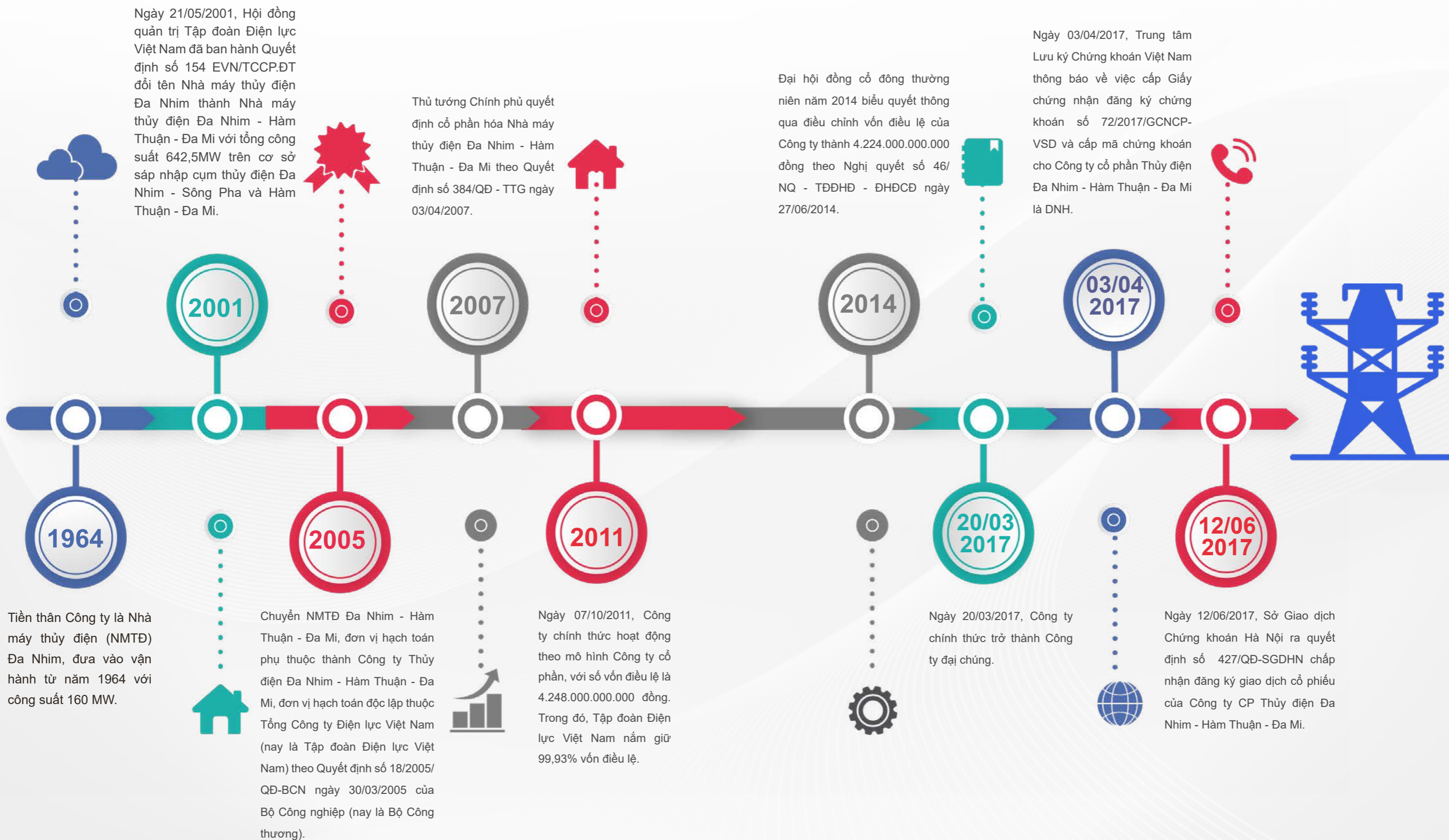
### Mã cổ phiếu

DNH





## Quá trình hình thành và phát triển





## Các thành tích trong quá trình hoạt động

Năm	Thành tích đạt được
1979	Huân chương Độc lập hạng Ba
1985	Huân chương Lao động hạng Hai
1997	Huân chương lao động hạng 1
2000	Huân chương Độc lập hạng Ba Bằng khen Bộ Công thương Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen Ủy ban Nhân dân tỉnh.
2001	Bằng khen Bộ Công thương Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam
2002	Bằng khen Bộ Y tế Bằng khen Liên đoàn Lao động tỉnh Bình Thuận Bằng khen Công an tỉnh Bình Thuận
2003	Bằng khen Bộ Công thương Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận Bằng khen UBND tỉnh Bình Thuận
2004	Huân chương Độc lập hạng Ba Cờ thi đua xuất sắc Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen Bộ Y tế
2005	Cờ thi đua xuất sắc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen Bộ Công thương Bằng khen Bộ Y tế Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận
2006	Anh hùng lao động năm 2006 Bằng khen UBND tỉnh Bình Thuận; Bằng khen Bộ Công thương
2007	Bằng khen Bộ Công thương Cờ thi đua Bộ Công thương

Năm	Thành tích đạt được
2008	Bằng khen Bộ Công thương Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận Bằng khen UBND tỉnh Lâm Đồng
2009	Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen UBND tỉnh Lâm Đồng
2010	Huân chương Độc lập hạng nhì Bằng khen Bộ Công thương Bằng khen UBND tỉnh Lâm Đồng Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận Bằng khen Bảo hiểm xã hội Việt Nam
2011	Bằng khen Thủ tướng Chính phủ Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận Bằng khen Bảo hiểm xã hội Việt Nam
2012	Bằng khen Bộ Công thương
2013	Bằng khen Bộ Công thương
2014	Huân chương Độc lập hạng nhì Cờ UBND tỉnh Lâm Đồng Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận
2015	Bằng khen Bộ Công thương Bằng khen UBND tỉnh Bình Thuận
2016	Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam
2017	Bằng khen Bộ Công thương
2018	Cờ thi đua Tập đoàn Điện lực Việt Nam
2019	Cờ khi đua Bộ Công thương (đang đề nghị)

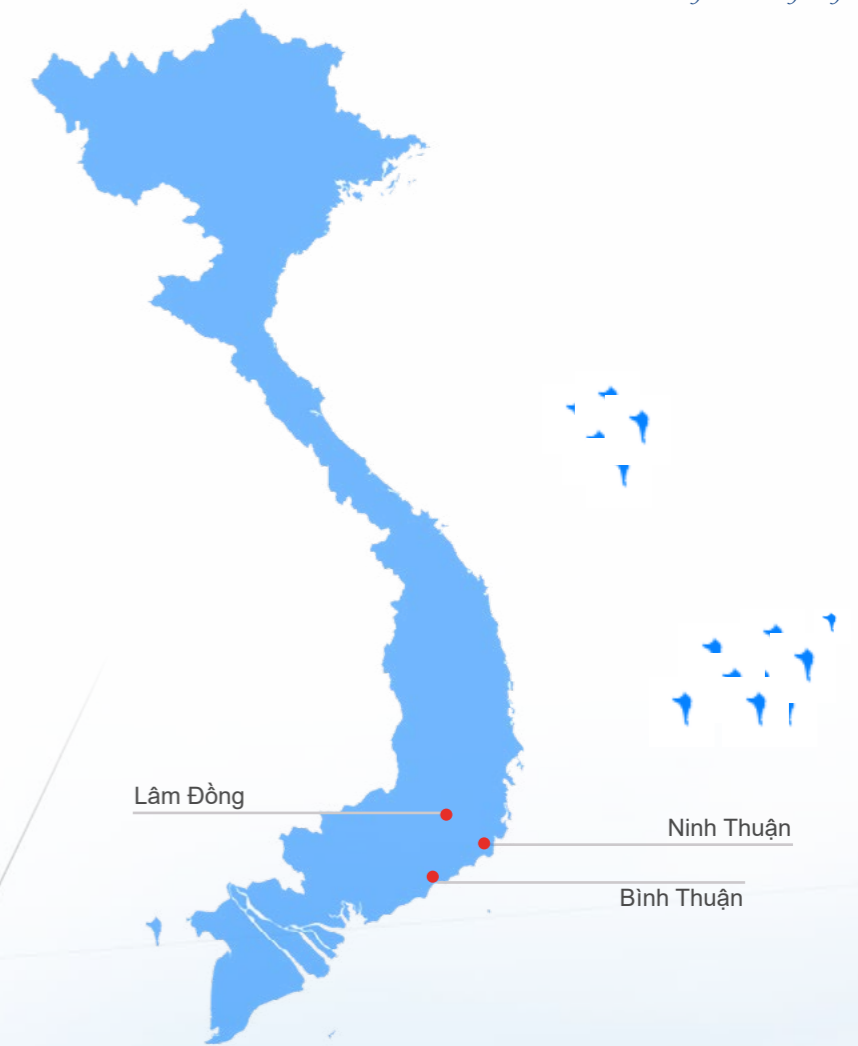


## Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

### Ngành nghề kinh doanh

Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện năng.

### Địa bàn kinh doanh





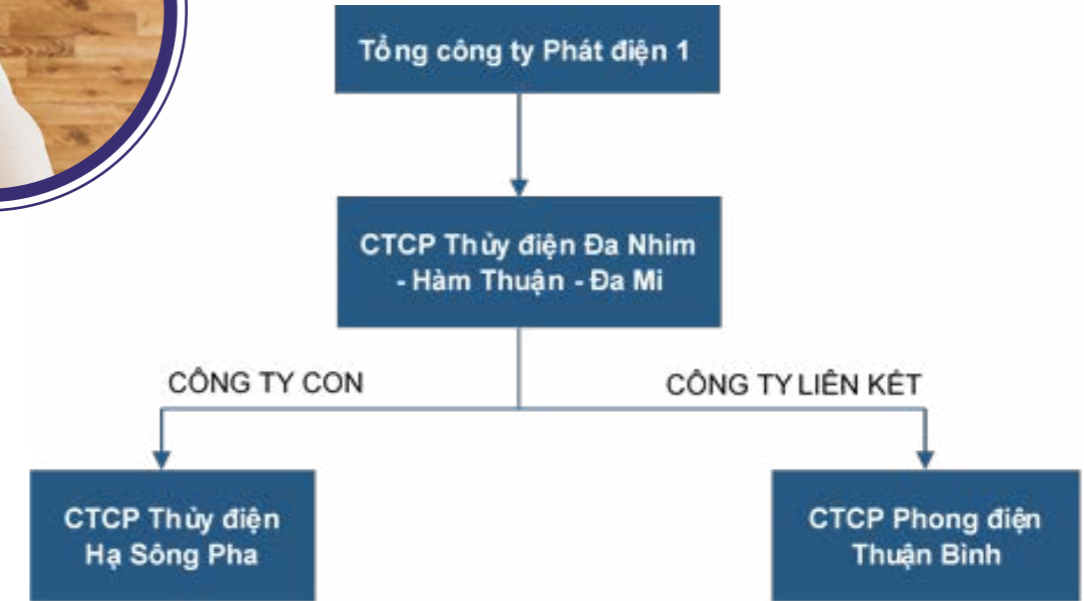
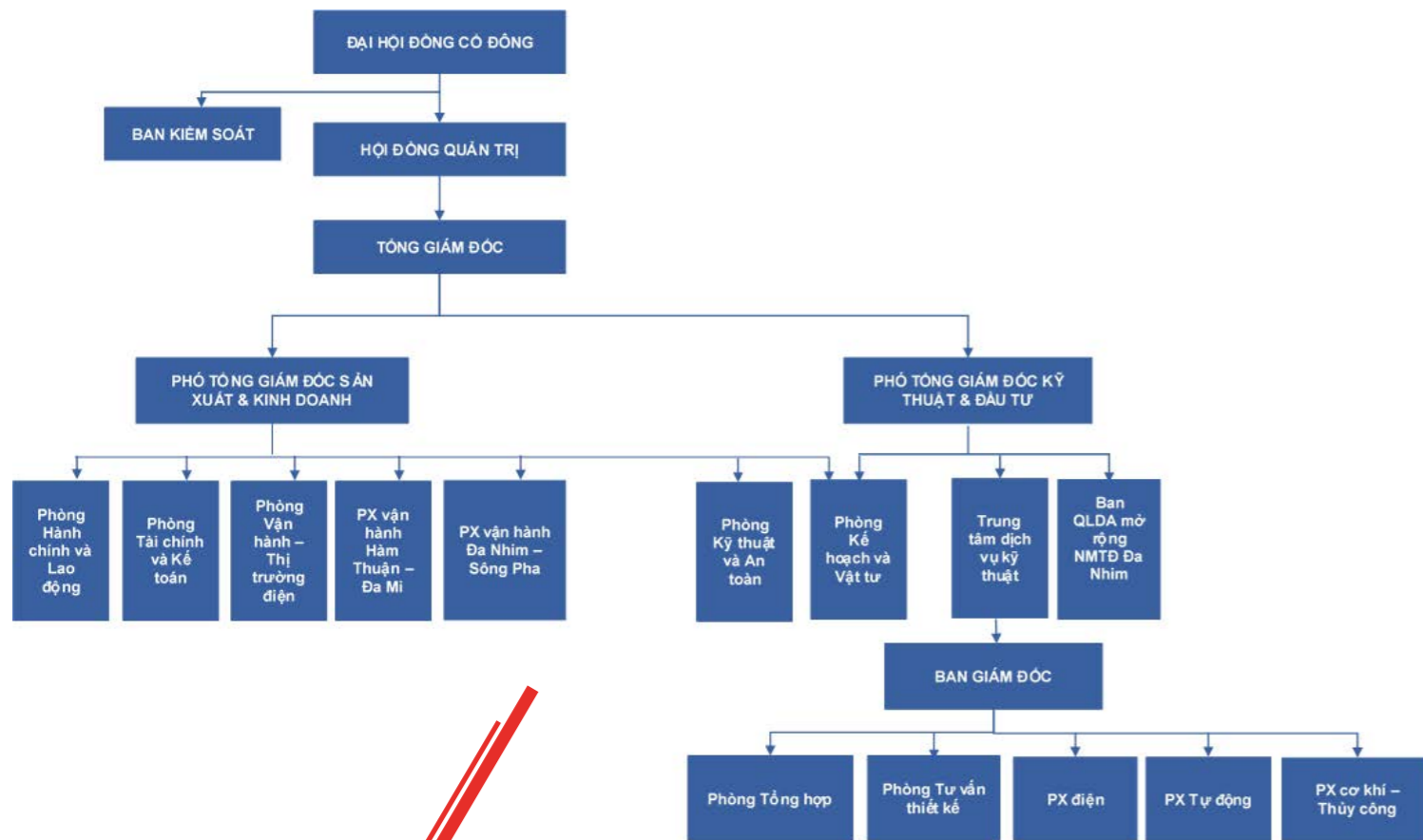
## Sơ đồ tổ chức

### Mô hình quản trị

Hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, hiện nay mô hình quản trị của Công ty được tổ chức theo quy định tại Luật Doanh nghiệp,

Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan, cụ thể như sau:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc.



#### Công ty mẹ: Tổng Công ty Phát điện 1

- Trụ sở chính: Tòa tháp B, 11 Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội
- Điện thoại: (024) 6694 1234
- Mã số thuế: 5701662152
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng
- Tỷ lệ nắm giữ tại DNH: 99,93%/Vốn điều lệ

#### Công ty con: Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha

- Địa chỉ: Thôn Lâm Bình, xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.
- Điện thoại: (0268) 39 52 178 - Fax: (0268) 39 52 179
- Mã số thuế: 4500407954
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng.
- Tỷ lệ nắm giữ của DNH tại Công ty: 70% vốn điều lệ.

#### Công ty liên kết: Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình

- Địa chỉ: Thôn Lạc Trị, xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.
- Điện thoại: (0262) 38 22 024
- Fax: (0262) 38 23 024
- Mã số thuế: 3400675644
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng.
- Tỷ lệ nắm giữ của DNH tại Công ty: 20% vốn điều lệ.

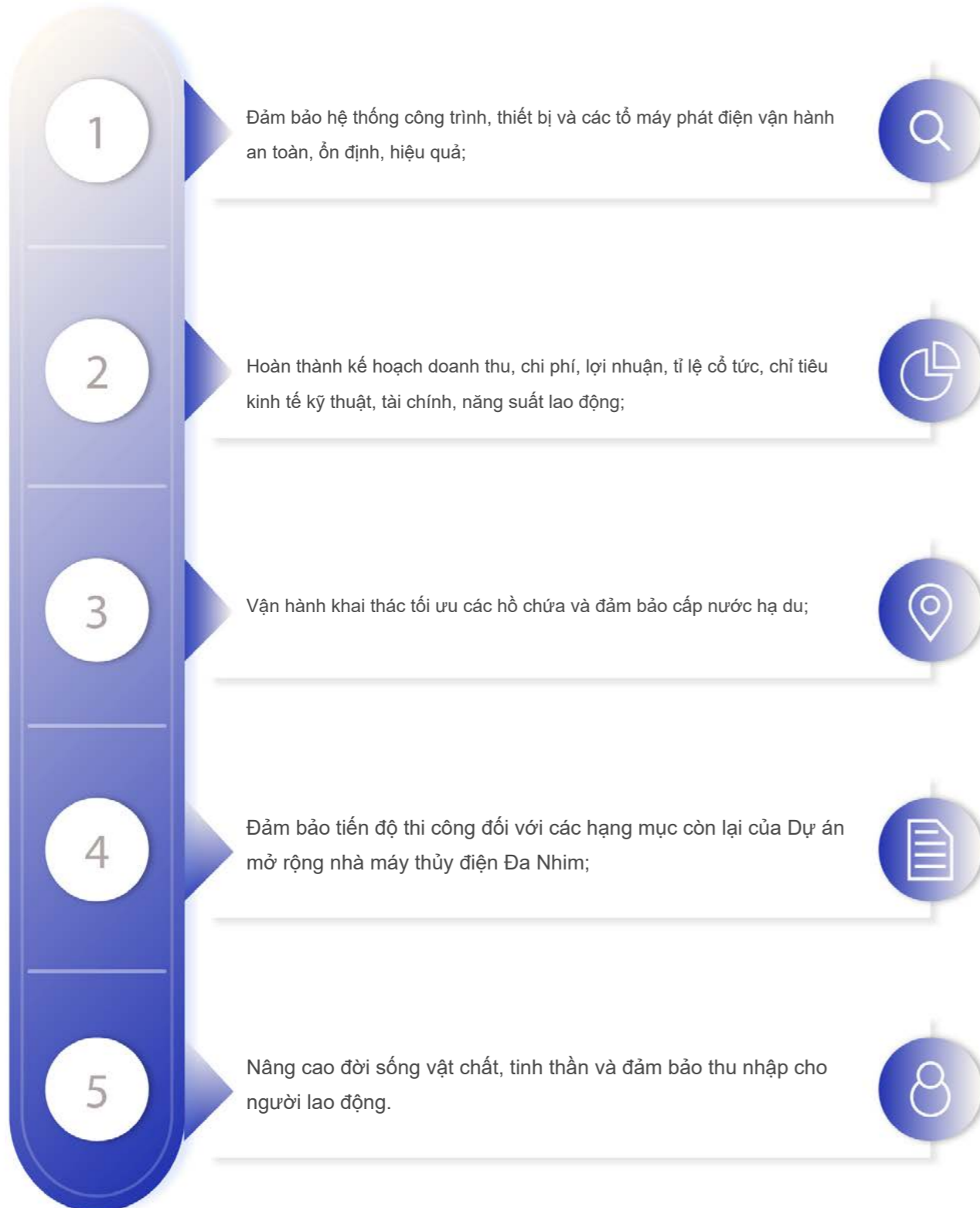






## Định hướng phát triển

### Mục tiêu chiến lược



### Chiến lược trong trung và dài hạn

- Hoàn thành toàn bộ Dự án mở rộng Nhà máy thủy điện Đa Nhim.
- Cải tạo, nâng cấp hệ thống thiết bị các nhà máy Đa Mi, Đa Nhim và Sông Pha.
- Nghiên cứu, đầu tư mở rộng Nhà máy điện mặt trời Đa Mi.



### Mục tiêu phát triển bền vững

- Hoàn thành toàn bộ Dự án mở rộng Nhà máy thủy điện Đa Nhim.
- Cải tạo, nâng cấp hệ thống thiết bị các nhà máy Đa Mi, Đa Nhim và Sông Pha.
- Nghiên cứu, đầu tư mở rộng Nhà máy điện mặt trời Đa Mi.





## Rủi ro

### Rủi ro về đặc thù ngành

#### Rủi ro lãi suất

Đặc thù ngành điện là ngành cần sử dụng nguồn vốn vay dài hạn để đầu tư cho các dự án thủy điện cũng như cho các hoạt động sửa chữa, đại tu, vận hành hệ thống điện. Vì vậy, Công ty cần thường xuyên phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định về lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty nhưng đồng thời vẫn kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được.

#### Rủi ro tỷ giá

Các dự án của Công ty đều sử dụng nguồn vốn ODA của Chính phủ Nhật Bản. Vì vậy, sự biến động trên thị trường ngoại hối có thể tạo ra doanh thu đột biến nhờ hưởng lợi tỷ giá, nhưng cũng có thể gây ra những khoản lỗ tỷ giá không nhỏ đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty nếu tỷ giá JPY/VND khi đến kỳ thanh toán.

Tại thời điểm 31/12/2019, tỷ giá JPY/VND đã tăng khoảng 1,39% so với cùng thời điểm năm trước do những bất ổn trong thương mại toàn cầu. Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước đã và đang áp dụng các chính sách điều hành tỷ giá một cách linh hoạt, phù hợp với các cân đối vĩ mô và diễn biến thị trường, giữ mặt bằng lãi suất tương đối ổn định để tạo điều kiện đảm bảo nguồn vốn cho kinh doanh sản xuất, hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, Công ty phải dự tính rủi ro tỷ giá vào kế hoạch tài chính hàng năm để chủ động trong việc đối phó với rủi ro tỷ giá.

#### Rủi ro thời tiết

Đối với các nhà máy hoạt động trong lĩnh vực thủy điện, sản lượng điện sản xuất phụ thuộc chủ yếu vào lượng nước về các hồ chứa. Bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu hiện đang diễn ra rất phức tạp, không theo quy luật, khó dự báo và mang tính cực đoan. Trong những năm gần đây, nước ta thường xuyên phải đối mặt với hiện tượng El Nino, khiến lượng nước mưa giảm và các nhà máy thủy điện phải đối mặt với thiếu nước nghiêm trọng. Bên cạnh đó, thời tiết mưa lớn, lũ quét khi xảy ra cũng có thể sẽ gây thiệt hại cho các công trình đập của nhà máy, cũng như gây ra sự cố trong việc cung ứng điện.

Mức nước các hồ do Công ty quản lý tại thời điểm 31/12/2019 đều thấp hơn mức nước dâng bình thường. Trong đó, hồ Đa Nhim là 1039,29m, thấp hơn 2,7m và hồ Hàm Thuận là 603,21m thấp hơn 1,79m. Điều này đã ảnh hưởng đến kế hoạch phát điện và cấp nước hạ du cũng như làm ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty.

Để hạn chế ảnh hưởng của thời tiết, Công ty cần nâng cao tính chủ động, làm tốt công tác "phòng" trước khi "chống", bám sát các dự báo gần của thời tiết để có những giải pháp ứng phó linh hoạt. Đối mặt với hiện tượng thời tiết cực đoan, nhà máy phải sử dụng nguồn nước một cách hợp lý, hoặc là trong thời điểm mưa nhiều, phải huy động hết các tổ máy phát điện, chuẩn bị sẵn sàng đón các trận lũ về để phát huy hết năng lực của thủy điện.

#### Rủi ro vận hành

Trong quá trình vận hành nhà máy, việc xảy ra sự cố và hỏng hóc là điều khó tránh khỏi. Để hạn chế được điều này, Công ty đã xây dựng các biện pháp quản lý kỹ thuật như lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị định kỳ thường xuyên, chuẩn bị thiết bị dự phòng nhằm đảm bảo công việc diễn ra liên tục, không bị gián đoạn.

#### Rủi ro về an toàn lao động

Trong công tác vận hành nhà máy thủy điện, an toàn lao động là yếu tố đặc biệt được quan tâm. Để hạn chế các rủi ro này, Công ty đã đáp ứng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể và các phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động khi làm việc, cũng như thực hiện, xây dựng và tuân thủ triệt để các quy trình, tài liệu kỹ thuật, huấn luyện kiểm tra sát hạch an toàn, biện pháp, kỹ thuật, tổ chức giám sát an toàn trước, trong và sau quá trình vận hành.





## Rủi ro (tiếp theo)

### Rủi ro về kinh tế

Ngành điện là ngành không chỉ tạo ra nhiều lợi ích kinh tế - xã hội cho địa phương như gia tăng giá trị công nghiệp, tạo việc làm, an sinh xã hội, nguồn thu ngân sách, tạo môi trường thu hút đầu tư, mà còn góp phần thúc đẩy các ngành sản xuất khác từ công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp đến thương mại, dịch vụ.

Trong năm 2019, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng vững chắc trên nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định. Tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP của Việt Nam năm đạt mức 7,02%. Lạm phát bình quân năm 2019 chỉ tăng 2,79%, thấp nhất trong vòng ba năm, giữ vững mục tiêu tăng trưởng GDP của Chính phủ đề ra. Điều này cho thấy năm 2020 sẽ tiếp tục là một năm thuận lợi đối với ngành điện vì sự tăng trưởng kinh tế sẽ góp phần thúc đẩy nhu cầu sử dụng điện từ người dân và các doanh nghiệp.

Tuy nhiên, mức ảnh hưởng ngành điện nói chung và ngành thủy điện nói riêng trong biến động tăng trưởng kinh tế sẽ thấp hơn so với các ngành khác do đây vẫn là ngành thuộc về nhu cầu thiết yếu của nền kinh tế, cũng như nhu cầu tiêu thụ đang tiếp tục tăng mạnh qua các thời kỳ trong khi nguồn cung điện vẫn chưa đáp ứng đủ.



### Rủi ro về pháp lý

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động trong lĩnh vực thủy điện, nên Công ty phải chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và các luật Chuyên ngành như: Luật Điện lực, Luật Xây dựng, Luật Đất đai, Luật Chứng khoán, các quy định về môi trường và các văn bản liên quan khác. Trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách, pháp luật sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Để hạn chế những rủi ro này, Công ty luôn chú trọng cập nhật những thay đổi pháp luật hiện hành, cũng như các ưu đãi về thuế và tiền thuê đất cho ngành thủy điện để đưa ra các chiến lược quản trị và kinh doanh phù hợp.



### Rủi ro khác

Các yếu tố bất khả kháng như cháy nổ, thiên tai... với xác suất xảy ra rất nhỏ, nhưng ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của Công ty. Để giảm thiểu tác động của rủi ro này, Công ty có các phương án phù hợp cho từng trường hợp cụ thể và diễn tập định kỳ đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và tác động đến môi trường xung quanh. Ngoài ra Công ty cũng thực hiện mua bảo hiểm cháy nổ và mọi rủi ro khác với tất cả tài sản của Công ty nhằm hạn chế tổn thất khi xảy ra sự cố.



# PHẦN II

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



**Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**



**Tổ chức nhân sự**



**Tình hình đầu tư thực hiện các dự án**



**Tình hình tài chính**



**Cơ cấu cổ đông**



**Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng**



## Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2019, việc sản xuất của các nhà máy thủy điện bị ảnh hưởng rất lớn bởi lưu lượng nước về hồ thấp. Lượng mưa ít dẫn đến nước tại các đập thủy điện thấp, từ đó làm cho sản lượng điện của các nhà máy thủy điện sụt giảm. Những năm gần đây, biến đổi khí hậu càng trở nên nghiêm trọng hơn, hạn hán cũng xảy ra thường xuyên hơn là nguyên nhân chính làm cho sản lượng điện của các nhà máy thủy điện không đảm bảo.

### Cơ cấu doanh thu thuần

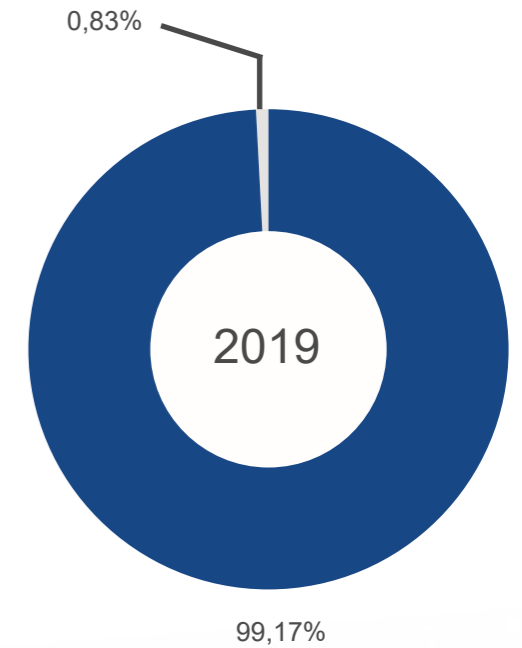
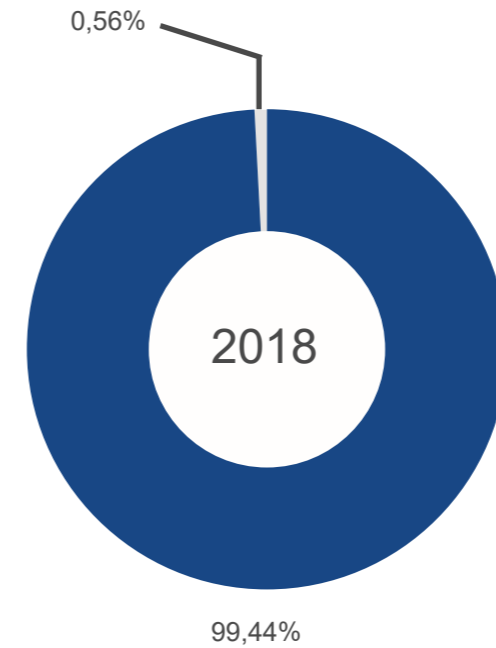
Khoản mục	Năm 2018		Năm 2019		Thực hiện 2019/2018
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
Doanh thu bán điện	2.385.080	99,44	2.177.106	99,17	91,28
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.481	0,56	18.137	0,83	134,54
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>2.398.561</b>	<b>100,00</b>	<b>2.195.243</b>	<b>100,00</b>	<b>91,52</b>

Tình hình thủy văn không thuận lợi là nguyên nhân chính làm cho doanh thu thuần năm 2019 giảm so với năm 2018. Tổng sản lượng điện giảm mặc dù trong năm Công ty đã đưa vào vận hành thương mại giai đoạn 1 của dự án mở rộng nhà máy Thủy điện Đa Nhim và đưa vào hoạt động dự án nhà máy Điện Mặt trời Đa Mi.

Tuy vậy, Công ty vẫn xuất sắc vượt kế hoạch sản lượng điện khai thác được đề ra, góp phần đảm bảo nguồn cung cấp điện cho cả nước. Về tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu năm 2019, doanh thu bán điện vẫn chiếm tỷ trọng lớn 99,17% với giá trị đạt trên 2.177 tỷ đồng. Các hoạt động cung cấp dịch vụ cũng mang về cho Công ty hơn 18 tỷ đồng, chiếm 0,83% trong cơ cấu doanh thu và tăng trưởng 34,54% so với cùng kỳ năm 2018.

### Cơ cấu doanh thu thuần

- Doanh thu bán điện
- Doanh thu cung cấp dịch vụ





## Tổ chức và nhân sự

### Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lê Văn Quang	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Đình Chiến	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Đỗ Minh Lộc	Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Phạm Thị Hồng Hà	Kế toán trưởng

### Sơ yếu lý lịch thành viên Ban điều hành

#### Ông Lê Văn Quang - Tổng Giám đốc

<b>Năm sinh</b>	1968
<b>Quốc tịch</b>	Việt Nam
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
<b>Quá trình công tác</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Từ 09/1992 đến 02/1993: Kỹ sư điện, làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh</li> <li>Từ 03/1993 đến 03/1996: Kỹ sư điện, làm việc tại NMTĐ Đa Nhim</li> <li>Từ 04/1996 đến 07/1997: Tổ trưởng tổ Thí nghiệm điện - Phân xưởng sửa chữa, NMTĐ Đa Nhim</li> <li>Từ 08/1997 đến 12/1998: Phó Quản đốc Phân xưởng sửa chữa, NMTĐ Đa Nhim</li> <li>Từ 01/1999 đến 12/2006: Quản đốc Phân xưởng sửa chữa, NMTĐ Đa Nhim</li> <li>Từ 01/2007 đến 10/2007: Quản đốc Phân xưởng sửa chữa 1, Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi</li> <li>Từ 11/2007 đến 09/2011: Phó Giám đốc Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi</li> <li>Từ 10/2011 đến 06/2017: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi</li> <li>Từ 07/2017 đến nay: Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.</li> </ul>
<b>Chức vụ hiện nay tại Công ty</b>	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
<b>Chức vụ tại tổ chức khác hiện nay</b>	Không
<b>SLCP đại diện của EVNGENCO1</b>	147.736.085 cổ phiếu, chiếm 35% vốn điều lệ
<b>SLCP cá nhân sở hữu</b>	7.600 cổ phiếu



#### Ông Nguyễn Đình Chiến - Phó Tổng Giám đốc

<b>Năm sinh</b>	1974
<b>Quốc tịch</b>	Việt Nam
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Thạc sĩ Năng lượng nước
<b>Quá trình công tác</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Từ 11/1997 đến 08/2005: Kỹ sư điện Phân xưởng sửa chữa 2 NMTĐ Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi</li> <li>Từ 09/2005 đến 06/2007: Học Thạc sĩ tại Học viện Công nghệ Châu Á, Thái Lan</li> <li>Từ 07/2007 đến 05/2008: Phó Quản đốc Phân xưởng sửa chữa 2 Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi</li> <li>Từ 05/2008 đến 03/2010: Phó phòng dự án Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi</li> <li>Từ 03/2010 đến 01/2011: Trưởng phòng Tư vấn và Thiết kế - Trung tâm dịch vụ kỹ thuật - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi</li> <li>Từ 01/2011 đến 12/2011: Phó Giám đốc Trung tâm dịch vụ kỹ thuật Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi</li> <li>Từ 01/2012 đến 12/2017: Giám đốc Trung tâm dịch vụ kỹ thuật Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi</li> <li>Từ 01/2018 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi</li> </ul>
<b>Chức vụ hiện nay tại Công ty</b>	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
<b>Chức vụ tại tổ chức khác hiện nay</b>	Không
<b>SLCP đại diện</b>	0 cổ phiếu
<b>SLCP cá nhân sở hữu</b>	1.000 cổ phiếu

## Sơ yếu lý lịch thành viên Ban điều hành (tt)

### Ông Đỗ Minh Lộc - Phó Tổng Giám đốc

<b>Năm sinh</b>	1975
<b>Quốc tịch</b>	Việt Nam
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Thạc sĩ Điện
<b>Quá trình công tác</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Từ 08/1998 đến 06/2001: Kỹ sư điện, NMTĐ Đa Nhim</li> <li>Từ 07/2001 đến 12/2002: Phó Quản đốc Phân xưởng Vận hành 2, NMTĐ Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi</li> <li>Từ 01/2003 đến 04/2008: Quản đốc Phân xưởng vận hành 2, Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi</li> <li>Từ 05/2008 đến 12/2011: Quản đốc Phân xưởng sản xuất Đa Nhim - Sông Pha, Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi</li> <li>Từ 01/2012 đến 05/2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi</li> <li>Từ 06/2017 đến nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi</li> </ul>
<b>Chức vụ hiện nay tại Công ty</b>	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
<b>Chức vụ tại tổ chức khác hiện nay</b>	Không
<b>SLCP đại diện của EVNGENCO1</b>	84.420.620 cổ phiếu, chiếm 20% vốn điều lệ
<b>SLCP cá nhân sở hữu</b>	7.100 cổ phiếu

### Bà Phạm Thị Hồng Hà - Kế toán trưởng

<b>Năm sinh</b>	1977
<b>Quốc tịch</b>	Việt Nam
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
<b>Quá trình công tác</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Từ 08/1999 đến 02/2004: Nhân viên phòng Tài chính kế toán, NMTĐ Đa Nhim</li> <li>Từ 03/2004 đến 08/2005: Phó phòng Tài chính kế toán, NMTĐ Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi</li> <li>Từ 09/2005 đến 10/2006: Trưởng phòng Tài chính kế toán NMTĐ Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi</li> <li>Từ 11/2006 đến 09/2011: Kế toán trưởng Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi</li> <li>Từ 10/2011 đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi</li> </ul>
<b>Chức vụ hiện nay tại Công ty</b>	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
<b>Chức vụ tại tổ chức khác hiện nay</b>	Không
<b>SLCP đại diện</b>	0 cổ phiếu
<b>SLCP cá nhân sở hữu</b>	9.800 cổ phiếu

**Danh sách thay đổi ban điều hành:** không



## Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
I	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>254</b>	<b>100,00%</b>
1	Trình độ đại học, trên đại học	7	2,76%
2	Trình độ cao đẳng	118	46,46%
3	Trình độ trung cấp	67	26,38%
4	Công nhân kỹ thuật	53	20,87%
5	Lao động phổ thông	9	3,54%
II	<b>Theo loại hợp đồng lao động</b>	<b>254</b>	<b>100,00%</b>
1	Hợp đồng không thời hạn	242	95,28%
2	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	12	4,72%
III	<b>Theo giới tính</b>	<b>254</b>	<b>100,00%</b>
1	Nam	232	91,34%
2	Nữ	22	8,66%

## Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Tổng số lượng người lao động (người)	274	273	269	259	254
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	25.127.000	22.990.000	24.757.000	25.182.000	23.871.000



## Chính sách đối với người lao động

## Về tuyển dụng

Để đảm bảo nguồn nhân lực cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty được an toàn, liên tục. Căn cứ nhu cầu lao động hàng năm công ty xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân sự bổ sung cho các vị trí còn khuyết của Công ty. Mục tiêu tuyển dụng nhân sự có năng lực chuyên môn để đáp ứng mục tiêu ngắn hạn và dài hạn của Công ty, bố trí công việc phù hợp, tạo cơ hội phát triển trong tương lai.

Nhân sự tuyển dụng được chi trả mức lương phù hợp với năng lực chuyên môn, được bố trí nhà ở và các điều kiện sinh hoạt khác, đảm bảo điều kiện về vật chất và tinh thần để người lao động gắn bó với Công ty.

## Về đào tạo

Tổ chức đào tạo, đào tạo lại, huấn luyện về chuyên ngành, kỹ thuật, nghiệp vụ, quản lý cho cán bộ, công nhân toàn Công ty bằng nhiều hình thức khác nhau kể cả bên trong lẫn bên ngoài, trong nước và nước ngoài. Tập trung đào tạo bồi dưỡng nhân lực vận hành đáp ứng yêu cầu vận hành an toàn, tin cậy Nhà máy thủy điện Đa Nhim mở rộng và Nhà máy điện mặt trời Đa Mi.

Đảm bảo một chức danh công việc có ít nhất hai người làm được và một người làm được ít nhất hai việc; xây dựng phương án thay thế nhân sự khi có người ốm, bệnh tật, thai sản...

## Về chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- Công ty áp dụng mô hình quản lý hiện đại, phân công và đánh giá công việc công bằng, minh bạch tuyển dụng, đào tạo và bố trí nhân sự theo đúng chức năng.
- Phát triển nhân lực, nâng cao hơn nữa năng lực của đội ngũ cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng trình độ nghiệp vụ cho các nhân viên nhằm nâng cao hoạt động và tạo thế đứng vững chắc cho quá trình hoạt động của công ty trong tương lai.
- Thực hiện chính sách hỗ trợ, khen thưởng kịp thời những người lao động giỏi, có nhiều cống hiến; xem xét bổ nhiệm, đào tạo nâng cao... tạo sự gắn bó, làm việc hết mình.
- Tạo ra một môi trường làm việc tốt, công bằng, minh bạch, xây dựng văn hóa công ty, có cơ hội thăng tiến cho người lao động tạo niềm tin và động lực làm việc cho người lao động.







## Tình hình đầu tư thực hiện dự án

Kế hoạch đầu tư xây dựng và đầu tư phát triển là 1.065,02 tỷ đồng, thực hiện là 961,78 tỷ đồng, đạt 90,31%. Cụ thể:

### Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim

Được phê duyệt đầu tư xây dựng theo Quyết định số 6934/QĐ-BCT ngày 24/09/2013 của Bộ Công Thương. Mục tiêu của dự án nhằm mở rộng thêm 1 tổ máy 80MW Nhà máy Thủy điện Đa Nhim hiện hữu, nâng tổng công suất nhà máy từ 160 MW lên 240 MW. Tổng mức đầu tư dự kiến là 1.952.591.601.000 VND. Về dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim Giai đoạn 1, hiện tại nhà máy đã hoàn thành và đi vào vận hành thương mại từ tháng 04/2019. Kế hoạch giải ngân là 992.803 triệu đồng, thực hiện giải ngân là 900.118 triệu đồng, đạt 90,66%.

Về dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim giai đoạn 2: Kế hoạch giải ngân là 2.271 triệu đồng. Trong năm 2019 không thực hiện giải ngân liên quan đến Dự án. Công ty đang phối hợp với Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (PECC2) giải trình UBND tỉnh Ninh Thuận và các sở ngành về các tác động, ảnh hưởng của Dự án đến sản xuất, sinh hoạt của người dân trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận trước khi được thỏa thuận quy hoạch địa điểm xây dựng dự án và phê duyệt chủ trương đầu tư.



### Dự án Nhà máy Điện Mặt trời Đa Mi

Đã hoàn thành toàn bộ công tác thi công xây dựng, cung cấp, lắp đặt, thử nghiệm và phát điện lên lưới 110kV với công suất lắp đặt 47,5MWp. Dự án đã đưa vào vận hành thương mại từ ngày 01/06/2019. Mục tiêu của dự án nhằm bổ sung vào hệ thống điện quốc gia nguồn năng lượng sạch, với công suất 47,5 MWp. Kế hoạch giải ngân là 721.311 triệu đồng, thực hiện giải ngân 700.575 triệu đồng, đạt 97,13% trong năm 2019.



## Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019	% Thực hiện 2019/ Thực hiện 2018
1	Tổng tài sản	tỷ đồng	9.061.226	9.231.703	101,88
2	Doanh thu thuần	tỷ đồng	2.398.561	2.195.242	91,52
3	Lợi nhuận từ HĐKD	tỷ đồng	1.601.921	1.280.796	79,95
4	Lợi nhuận khác	tỷ đồng	(951)	(5.962)	-
5	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	1.600.969	1.274.833	79,63
6	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	1.285.177	1.047.516	81,51

**Tổng tài sản**

**9.231,7** tỷ đồng

**Doanh thu thuần**

**2.195,2** tỷ đồng

**Lợi nhuận sau thuế**

**1.047,5** tỷ đồng

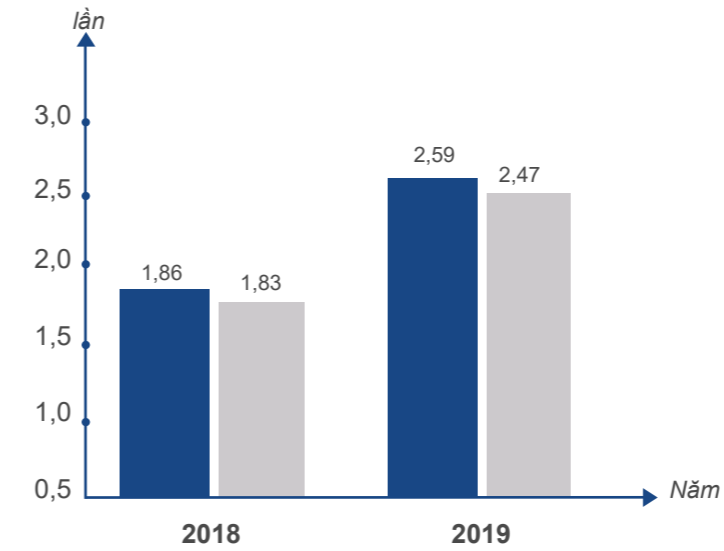
Nhìn chung, tình hình thủy văn năm 2019 không được thuận lợi và lưu lượng nước về các hồ chứa thấp. Điều này đã làm ảnh hưởng đến kế hoạch phát điện và cấp nước hạ du của Công ty. Mặc khác, việc phân bổ sản lượng hợp đồng cao cũng làm ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty. Cụ thể, doanh thu thuần năm 2019 đạt 2.195,2 tỷ đồng, ứng với 91,52% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, lợi nhuận sau thuế đạt giá trị 1.047,75 tỷ đồng, đạt 81,25% so với năm 2018 và 188,68% kế hoạch năm. Ngoài nhiệm vụ phát điện, Công ty còn đảm bảo lưu lượng cấp nước phục vụ sinh hoạt và canh tác nông nghiệp cho đồng bằng tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận. Việc hoàn thành kế hoạch sản lượng năm 2019 vào những ngày cuối năm như một món quà cho toàn thể Lãnh đạo và CB-CNV Công ty để tạo động lực đón chào năm mới.



## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu		Năm 2018	Năm 2019
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,86	2,59
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,83	2,47
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	35,52	32,95
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	55,09	49,14
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	20,49	12,94
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,29	0,24
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	53,58	47,72
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	22,49	17,41
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	15,36	11,45
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	66,79	58,34

■ Hệ số thanh toán ngắn hạn  
■ Hệ số thanh toán nhanh

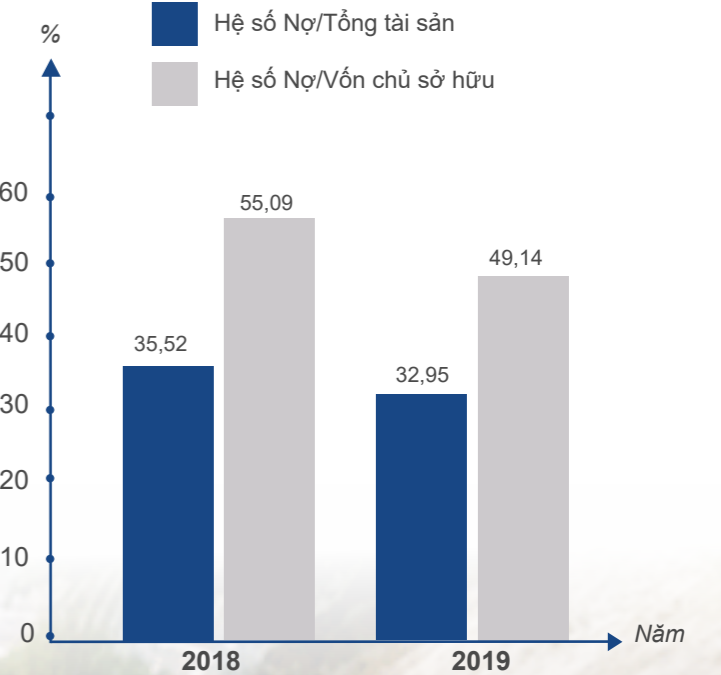


### Cơ cấu nguồn vốn

Bộ chỉ số về tình hình cơ cấu vốn của Công ty có sự thay đổi tích cực tại thời điểm kết thúc năm tài chính 2019 so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, trong khi tổng nợ phải trả cuối năm 2019 giảm đi 5,50% so với năm 2018 thì tổng tài sản và vốn chủ sở hữu của Công ty có mức tăng nhẹ. Thay đổi này làm cho hệ số nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu được cải thiện nhẹ. Nhìn chung, Công ty sử dụng cả vốn tự có và đòn bẩy tài chính để tài trợ cho các dự án đầu tư với tỷ lệ được đánh giá là an toàn so với các doanh nghiệp cùng ngành.

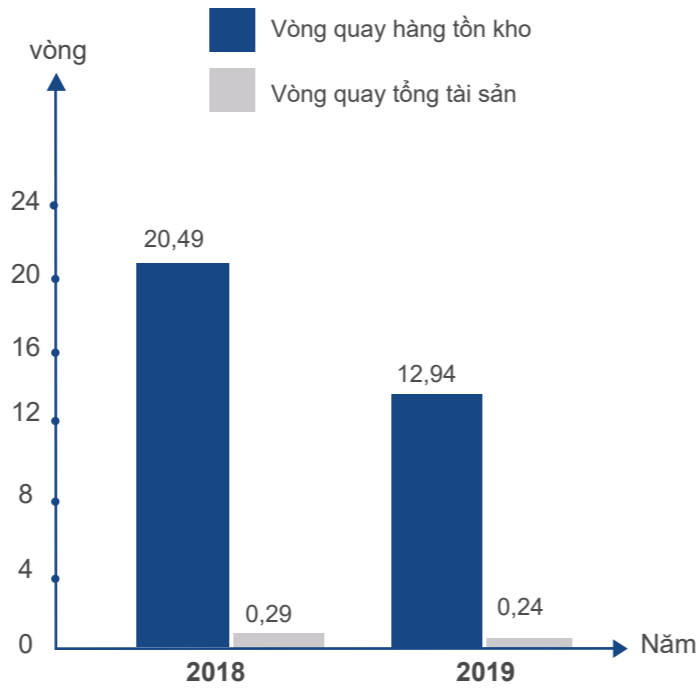
### Khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,86 lần lên 2,59 lần và hệ số thanh toán nhanh tăng từ 1,83 lần lên 2,47 lần phản ánh tình hình tài chính được cải thiện của Công ty. Mặc dù tài sản ngắn hạn tại thời điểm cuối năm 2019 đã giảm hơn 20% so với năm 2018 nhưng nợ ngắn hạn cũng có sự sụt giảm, thậm chí lớn hơn khi giảm gần một nửa so với thời điểm cuối năm 2018. Nguyên nhân do các dự án đã đưa vào vận hành, Công ty đã thanh toán khối lượng cho nhà thầu nên khoản phải trả cho nhà thầu giảm. Một yếu tố nữa làm cho nợ ngắn hạn giảm là đến từ việc giảm các khoản nợ ngân sách trong năm 2019.



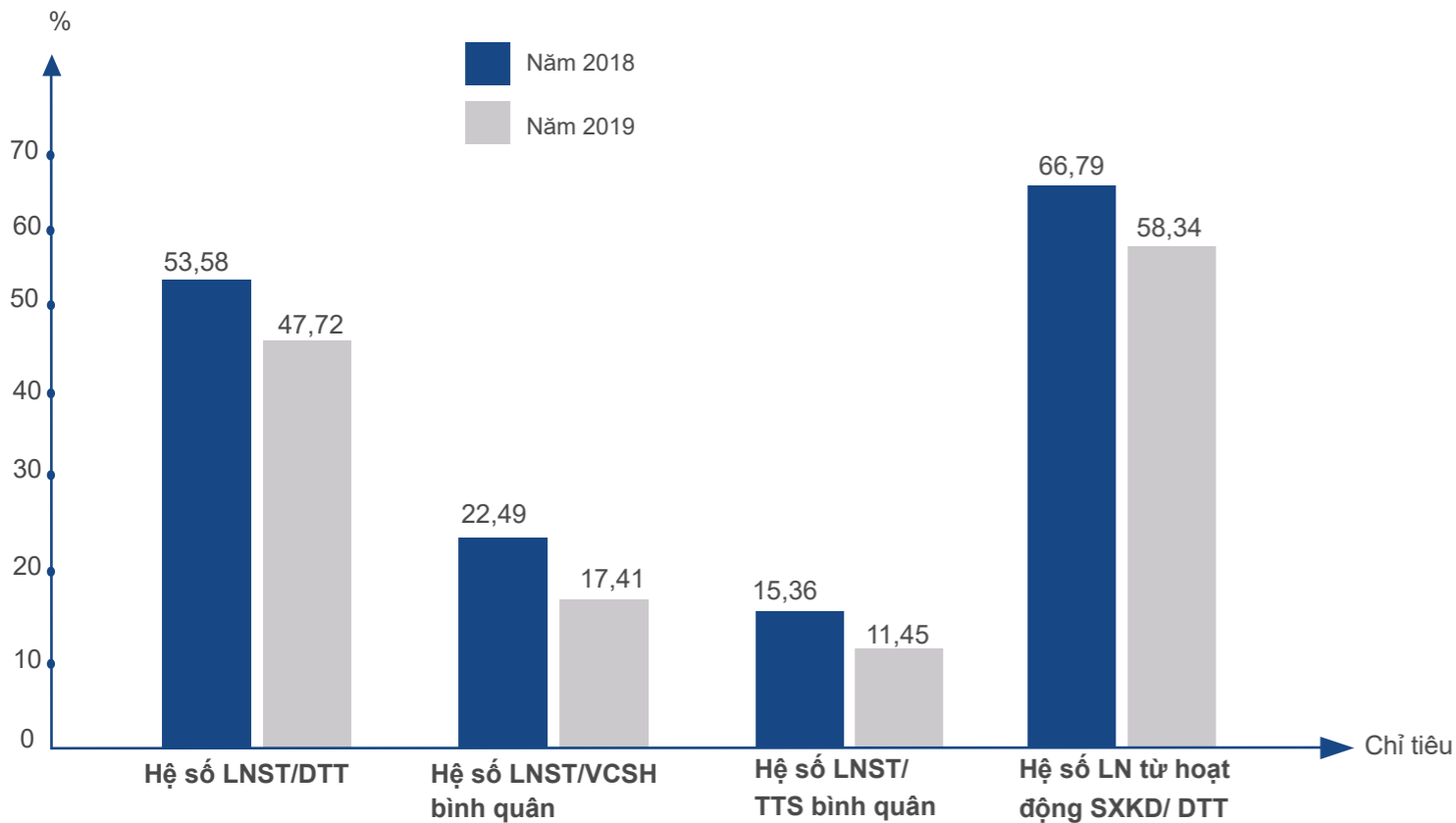
**Năng lực hoạt động**

Trong năm 2019, trong khi giá vốn hàng bán có sự tăng trưởng nhẹ khoảng 7% so với năm 2018 thì hàng tồn kho tính đến thời điểm cuối năm 2019 đạt hơn 89 tỷ đồng, tăng hơn gấp đôi so với năm 2018. Nguyên nhân của việc tăng này là do trong năm Công ty nhập kho vật tư dự phòng từ các dự án hoàn thành trong năm. Sự chênh lệch máy móc, thiết bị trong mức tăng của giá vốn hàng bán và hàng tồn kho làm cho vòng quay hàng tồn kho của Công ty giảm từ 20,49 vòng xuống còn 12,94 vòng. Mặt khác do doanh thu thuần trong năm 2019 giảm làm cho vòng quay tổng tài sản giảm từ 0,29 vòng xuống còn 0,24 vòng.



**Khả năng sinh lời**

Do ảnh hưởng bất lợi của tình hình thủy văn nên cả doanh và lợi nhuận sau thuế đều giảm so với năm 2018. Do đó, các chỉ tiêu về khả năng sinh lợi trong năm đều bị giảm so với năm trước. Cụ thể, ROE và ROA lần lượt giảm 5,08% và 3,91%, biên lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm từ 66,79% xuống còn 58,34% và biên lợi nhuận sau thuế giảm từ 53,58% xuống còn 47,72%. Tuy vậy, bộ chỉ số khả năng sinh lợi của Công ty vẫn đạt ở mức cao so với các doanh nghiệp cùng ngành.





## Cơ cấu cổ đông

Tổng số cổ phiếu đã phát hành:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 422.400.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>119</b>	<b>422.398.700</b>	<b>4.223.987.000.000</b>	<b>100,00%</b>
1	Cổ đông nhà nước	1	422.103.100	4.221.031.000.000	99,93%
2	Cổ đông tổ chức	1	9	90.000	0,00%
3	Cổ đông cá nhân	117	295.591	2.955.910.000	0,07%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>4</b>	<b>1.300</b>	<b>13.000.000</b>	<b>0,00%</b>
1	Cá nhân	3	800	8.000.000	0,00%
2	Tổ chức	1	500	5.000.000	0,00%
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>0,00%</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>123</b>	<b>422.400.000</b>	<b>4.224.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không

**Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không



## Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

### Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Đặc thù của Nhà máy thủy điện là sử dụng chiều cao cột nước (thế năng) để sản xuất điện năng nên nguyên vật liệu chính là nguồn nước. Sau khi được sử dụng để phát điện, nguồn nước được trả về lại với tự nhiên.

Ngoài ra, trong quá trình vận hành Công ty có phát sinh nguồn vật tư thiết bị phục vụ công tác duy tu, sửa chữa. Việc sử dụng vật tư thiết bị được Công ty quản lý sử dụng một cách tiết kiệm hiệu quả trong sản xuất kinh doanh nhằm mang lại lợi nhuận cao nhất.



### Xử lý rác thải, chất thải trong quá trình sản xuất của Công ty trong năm

Tháng 10/2019, Công ty đã ký Hợp đồng chuyển giao số lượng CTNH đang lưu giữ tại 02 khu vực Nhà máy thủy điện Đa Nhim - Sông Pha và Hàm Thuận - Đa Mi cho Công ty cổ phần Môi trường Việt Úc tại Hợp đồng số 194/2019/HĐ-TĐĐHĐ-VU ngày 08/08/2019.

### Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ môi trường, thực đúng và đầy đủ các cam kết bảo vệ môi trường. Trong năm, Công ty không bị xử phạt về vi phạm do không tuân thủ luật pháp về các quy định về môi trường. Đồng thời, Công ty cũng luôn cập nhật các văn bản pháp luật liên quan, đánh giá sự ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Ngoài ra, nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của Cán bộ công nhân viên. Công ty thường xuyên kết hợp với Đoàn thanh niên tổ chức các buổi tuyên truyền, hưởng ứng "Ngày Môi trường thế giới" góp phần cải thiện môi trường làm việc và sinh hoạt chung.

### Tiêu thụ năng lượng

Các trang thiết bị điện trong các phòng ban khi không có người làm việc ở trong phòng đều phải tắt hết điện; điều hoà nhiệt độ chỉ được sử dụng vào mùa hè và đặt ở chế độ nhiệt độ 25 - 27; máy photocopy, máy in chỉ được sử dụng cho công việc của cơ quan, không được dùng cho việc riêng cá nhân; không dùng tủ lạnh trong cơ quan; khi cải tạo hoặc trang bị mới phải sử dụng phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng hiệu suất cao theo quy định hoặc thiết bị sử dụng điện có dán nhãn tiết kiệm năng lượng...

### Tiêu thụ nước

Trong năm qua, Công ty sử dụng nguồn nước từ thượng nguồn sông Đồng Nai và Sông La Ngà, để sản xuất được 3.048 triệu kWh. Với hệ thống nhóm nhà máy thủy điện bậc thang, NMTĐ Sông Pha và Đa Mi là bậc thang dưới nên tận dụng thủy năng của nguồn nước xả sau khi chạy máy NMTĐ Đa Nhim và NMTĐ Hàm Thuận với tỷ lệ tái sử dụng nước là 100%. Đồng thời, vì hạ lưu của các Nhà máy là những khu vực có lượng mưa thấp so với cả nước, Công ty luôn nhận thức sự quý giá của nguồn nước đến hoạt động kinh doanh của Công ty và môi trường sống. Công ty thường xuyên nhắc nhở CB - NV sử dụng nước đúng mục đích và nêu cao ý thức tiết kiệm trong toàn Công ty.

Các năm sắp tới, Công ty tiếp tục sắp xếp kế hoạch sử dụng khoa học để giảm tiêu hao nước; tăng năng suất hoạt động từ đó giảm tiêu hao nước. Đồng thời thiết kế hệ thống cấp nước hoàn chỉnh, hệ thống xử lý nước đạt chuẩn và tái sử dụng nguồn nước một cách hiệu quả.



## Chính sách tuyển dụng

- Nguồn nhân lực là yếu tố đặc biệt quan trọng đối với bất kỳ doanh nghiệp nào. Nhận thức được điều này, Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi xác định mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân tài, ưu tiên người lao động có kinh nghiệm, năng lực, đáp ứng được yêu cầu công việc và góp phần vào chiến lược phát triển lâu dài của Công ty. Việc tuyển dụng được dựa trên nhu cầu lao động. Công ty tiến hành thi tuyển với những tiêu chuẩn nhất định mà Công ty đã đặt ra. Tiêu chí tuyển dụng dựa trên tố chất, tiềm năng và thiện chí của mỗi ứng viên.

## Chính sách đánh giá, thăng tiến và phát triển

### Chính sách đánh giá

- Mọi nhân viên phải tham gia đánh giá mức độ hoàn thành công việc của mình trong năm theo quy trình do phòng Tổ chức Lao động hướng dẫn.
- Kết quả đánh giá là yếu tố quan trọng để xem xét việc tăng lương, thưởng, khả năng thăng tiến cũng như hạ cấp hoặc thôi việc của nhân viên.
- Việc đánh giá mức độ hoàn thành công việc được thực hiện tối thiểu mỗi năm một lần vào tháng 12.

### Chính sách thăng tiến và phát triển nghề nghiệp

- Cơ hội thăng tiến nghề nghiệp công bằng cho mọi đối tượng được xác lập bằng kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực.
- Những nhân viên có khả năng làm việc tốt, có khả năng thích ứng và đầy đủ các tố chất và tiêu chuẩn phù hợp với nhu cầu hoạt động thực tế của Công ty đều có cơ hội thăng tiến theo cấp bậc nghề nghiệp hoặc cấp bậc quản lý của Công ty.



## Chính sách lương thưởng và phúc lợi cho người lao động

- Công ty luôn có những chính sách lương phù hợp với khả năng làm việc và trách nhiệm của người lao động.
- Chính sách khen thưởng.
- Công ty luôn xem xét, đánh giá mức độ hiệu quả của từng nhân sự sau đó phân loại, sắp xếp. Mục đích đánh giá là để khen thưởng cho khả năng làm việc người lao động.
- Các nhân sự trong Công ty được hưởng đủ quyền lợi liên quan đến bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế được pháp luật quy định bắt buộc.

## Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Quan tâm và có trách nhiệm với xã hội, môi trường hướng tới phát triển bền vững là một trong những tiêu chí quan trọng trong quá trình hoạt động của Công ty trong năm 2019. Công ty đã góp phần đáng kể trong việc phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trên địa bàn, góp phần vào công cuộc công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước. Trong những năm gần đây, bình quân hàng năm, Công ty đã nộp nghĩa vụ nhà nước vào ngân sách địa phương khoảng 500 tỷ đồng. Bên cạnh đó, cùng với 2 địa phương Ninh Thuận và Bình Thuận, Công ty đã phối hợp chặt chẽ trong việc chạy máy phát điện và cấp nước cho các vùng hạ du, góp phần phát triển nông nghiệp cho các địa phương. Đồng thời trong năm, Công ty cũng phối hợp với Hội chữ thập đỏ thành phố Bảo Lộc và Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng tổ chức cho CBCNV của Công ty thực hiện hiến máu tình nguyện hưởng ứng "Chiến dịch vận động hiến máu tình nguyện dịp tết và Lễ hội Xuân hồng năm 2019"





# PHẦN III

## BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



**Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh**



**Tình hình tài chính**



**Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý**



**Kế hoạch phát triển trong tương lai**



**Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.**



## Phân tích SWOT

- Là nhà máy thủy điện lớn đầu tiên ở Việt Nam được xây dựng và đưa vào vận hành từ năm 1964, nhà máy có công nghệ hiện đại và đội ngũ chất lượng cao, là cái nôi đào tạo nhiều cán bộ chủ chốt của ngành điện phía Nam.
- Ban Lãnh đạo và đội ngũ nhân viên có kinh nghiệm về kỹ thuật và vận hành nhà máy thủy điện theo cơ chế thị trường điện;
- Hoạt động kinh doanh của công ty tận dụng được ưu thế từ việc xác định thời điểm bắt đầu tham gia thị trường điện phù hợp, có đội ngũ chào giá chuyên nghiệp, được đào tạo bài bản và có kinh nghiệm.
- Công ty sở hữu nguồn lực tài chính mạnh, kết quả kinh doanh các năm qua đạt hiệu quả cao tạo điều kiện thuận lợi sẵn sàng cho các dự án chiến lược trong trung và dài hạn.

## Điểm yếu

# W

- Địa bàn sản xuất của Công ty trải dài trên ba tỉnh Lâm Đồng, Ninh Thuận, Bình Thuận nên gặp nhiều khó khăn cho việc tập trung, sắp xếp thời gian đào tạo cho cán bộ nhân viên.
- Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác vận hành và quản lý là mục tiêu chiến lược nhưng hiệu quả chưa cao.
- Tuy hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, nhưng vốn nhà nước chiếm tỉ trọng khá cao (99,93%), nên Công ty chưa thật sự chủ động cơ chế quản lý và sử dụng vốn.
- Sản phẩm chưa đa dạng khi điện năng từ thủy điện là sản phẩm chiếm tỉ trọng doanh thu nhiều nhất và phụ thuộc nhiều vào lượng nước về các hồ chứa.

# S

## Điểm mạnh

# O

## Cơ hội

- Chính sách nhà nước mở cửa thị trường ngành điện, tạo nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh.
- Vị trí địa lý tốt, sản lượng điện nhà máy cao và luôn ổn định.
- Sản lượng phát điện ổn định qua các năm tạo thế mạnh cho Công ty thu hút được nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước.
- Sự phát triển của khoa học công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ giỏi giúp cho các hoạt động vận hành, khai thác và sản xuất điện một cách hiệu quả.
- Các chế tài ưu đãi của Chính phủ cho các dự án phát triển nguồn năng lượng xanh, giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong công tác nghiên cứu, đầu tư vào lĩnh vực này.

## Thách thức

# T

- Thị trường bán buôn cạnh tranh đã được đưa vào vận hành trong năm nay, điều này làm cho thị trường điện bán buôn sẽ có sự cạnh tranh mạnh mẽ hơn không chỉ bởi các nhà đầu tư trong nước mà còn có các Công ty nước ngoài có tiềm lực tài chính.
- Sản lượng phát điện phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết, khí hậu. Vào các năm xảy ra hiện tượng El Nino, lượng mưa ít dẫn đến sản lượng điện của các nhà máy thủy điện sụt giảm mạnh. Những năm gần đây, biến đổi khí hậu càng trở nên nghiêm trọng hơn, nhiệt độ Trái Đất tăng cao, hạn hán xảy ra thường xuyên cũng tác động đến việc sản xuất điện của các nhà máy thủy điện.

Năm 2019, tình hình kinh tế Việt Nam có nhiều biến chuyển tích cực, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, lạm phát được kiểm soát, tình hình kinh tế - xã hội ổn định, là điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tăng cường mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó có DNH. Mặt khác, các yếu tố bất lợi từ thời tiết lại có tác động tiêu cực đến hoạt động khai thác điện của Công ty. Trước tình hình đó, Ban Tổng Giám đốc đã đưa ra các phân tích, nhận định như sau:

Năm 2019, tình hình kinh tế Việt Nam có nhiều biến chuyển tích cực, tốc độ tăng trưởng đạt 7,02%; lạm phát, tỷ giá và lãi suất được kiểm soát tương đối ổn định, tạo ra nhiều cơ hội tiếp cận nguồn vốn cho các doanh nghiệp chủ động mở rộng phát triển sản xuất, trong đó có DNH. Tuy nhiên, đi kèm với những lợi ích đến từ tăng trưởng kinh tế và chính sách quản lý vĩ mô thì vẫn còn khá nhiều khó khăn thách thức mà các doanh nghiệp thuộc ngành thủy điện nói chung và DNH nói riêng phải đối mặt. Mặc dù vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Đvt: triệu đồng	
					% Thực hiện 2019/ Kế hoạch 2019	% Thực hiện 2019/ Thực hiện 2018
1	Doanh thu thuần	2.398.561	1.717.990	2.195.242	127,78	91,52
2	Lợi nhuận từ HĐKD	1.601.921	672.170	1.280.796	190,55	79,95
3	Lợi nhuận khác	(951)	820	(5.962)	-	-
4	Lợi nhuận trước thuế	1.600.969	693.930	1.274.833	183,71	79,63
5	Lợi nhuận sau thuế	1.285.177	555.144	1.047.516	188,69	81,51
6	Tỷ lệ cổ tức	10,00%	12,00%	24% (*)	-	-

(\*) Mức cổ tức này được chi trả theo kết quả phân phối lợi nhuận được ĐHĐCĐ Công ty thông qua cho năm 2019 và dự kiến kế hoạch cho năm 2020.

#### Về sản lượng điện

**Hồ Đa Nhim:** Năm 2019, tình hình thủy văn không thuận lợi, trong tháng 01/2019 phải xả điều tiết với tổng lượng nước là 35,64 triệu m<sup>3</sup> nhưng từ giữa tháng 11 đến cuối năm trên lưu vực hồ chứa không mưa, lưu lượng nước về hồ giảm, tần suất nước về trong năm giảm so với trung bình nhiều năm.

**Hồ Hàm Thuận:** Lưu lượng bình quân nước về hồ xấp xỉ trung bình nhiều năm nên sản lượng điện sản xuất thấp hơn kế hoạch và thiết kế.

Các tổ máy phát điện vận hành ổn định, sản lượng điện sản xuất là 2.669,8 triệu kWh đạt 100,20% kế hoạch năm, sản lượng điện thương phẩm là 2.651 triệu kWh đạt 100,42% kế hoạch năm; tỷ lệ điện tổn thất và tự dùng là 0,8%. Trong đó, Nhà máy điện mặt trời Đa Mi sản xuất được 40,2 triệu kWh đạt 129% so với kế hoạch nhờ hoàn thành vượt tiến độ 1 tháng và hiệu suất PR cao hơn thiết kế.

#### Về Doanh thu

- Doanh thu sản xuất điện là 2.108,83 tỷ đồng, đạt 133,26% so với kế hoạch năm. Trong đó, doanh thu của Nhà máy điện mặt trời Đa Mi trong 7 tháng là 86,84 tỷ đồng.
- Doanh thu lãi tiền gửi là 106,21 tỷ đồng, đạt 101,15%.

#### Về các khoản làm tăng/giảm giá thành điện

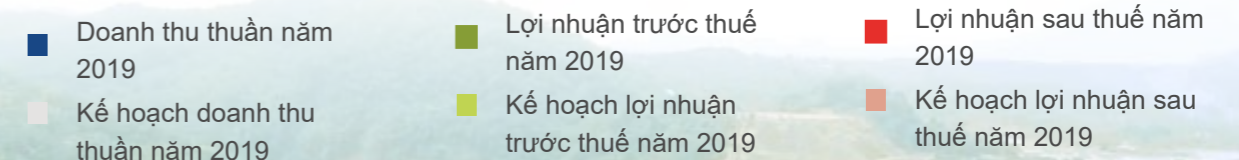
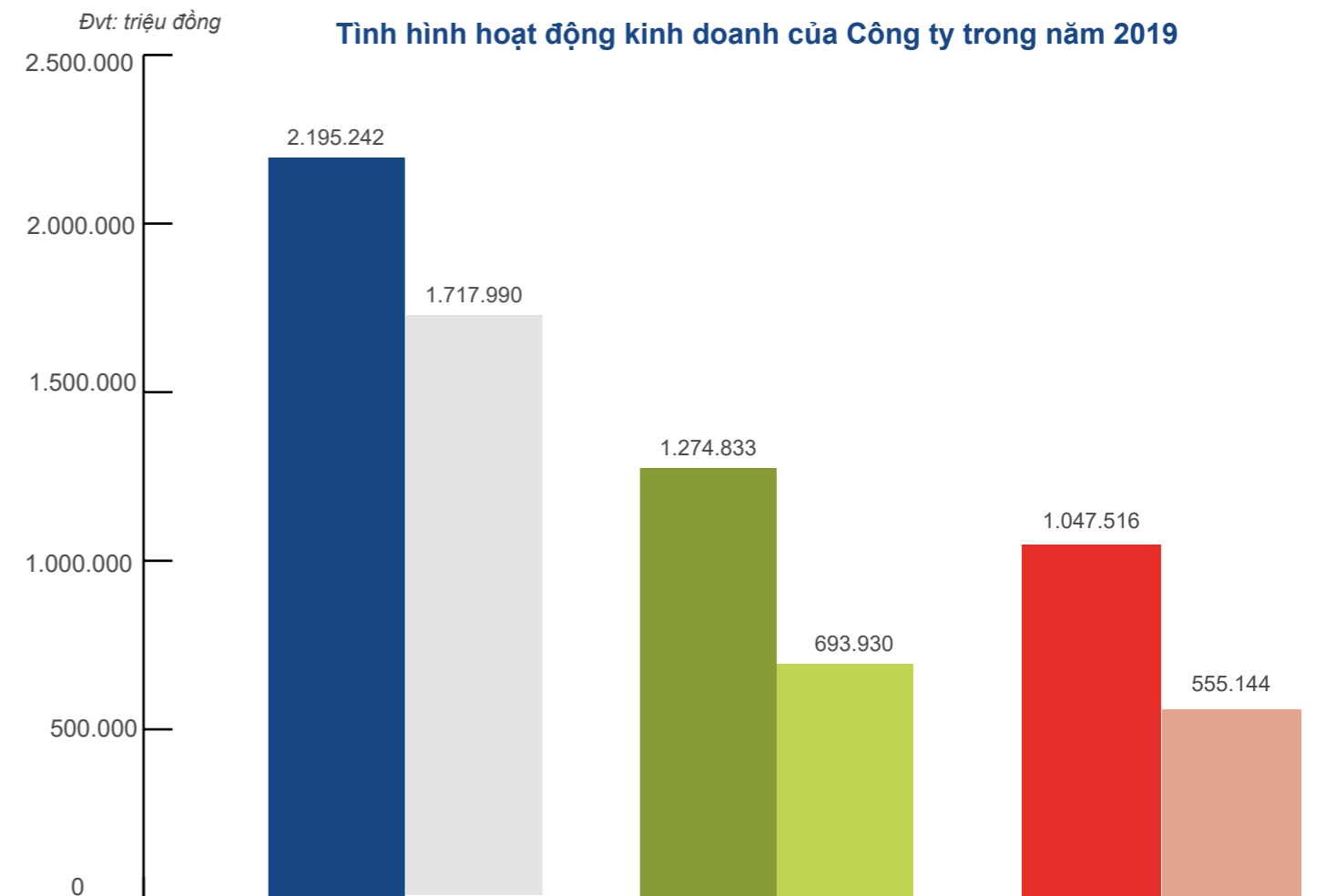
- Lỗ chênh lệch tỷ giá là 78,55 tỷ đồng.
- Trong năm 2019, hoạt động sản xuất điện có lãi nên Công ty phân bổ toàn bộ khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư của Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim là 74,8 tỷ đồng vào chi phí tài chính trong năm.

#### Về Chi phí

- Tổng chi phí thực hiện (không bao gồm lỗ chênh lệch tỷ giá) là 929,01 tỷ đồng, giảm 2,19 tỷ đồng, đạt 99,77% so với kế hoạch năm.
- Các khoản mục chi phí tăng như:
  - Thuế tài nguyên tăng 12,88 tỷ đồng do giá điện để tính thuế tài nguyên nước tăng từ tháng 3/2019.
  - Chi phí khấu hao tăng 8,43 tỷ đồng do Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi đưa vào sử dụng sớm 1 tháng so với kế hoạch.
- Các khoản mục chi phí giảm: Chi phí lãi vay giảm 44,1 tỷ đồng do việc giải ngân của Dự án điện mặt trời Đa Mi chậm hơn so với kế hoạch. Chi phí SCL giảm 10,11 tỷ đồng, chi phí vật liệu phụ, chi phí bằng tiền khác giảm do Công ty thực hiện tốt kế hoạch tối ưu hóa chi phí.
- Chi phí tiền lương năm 2019 chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán nên Công ty đã tạm ghi nhận theo số tiền lương kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 thông qua, phần chi phí tiền lương tăng (nếu có) sau quyết toán sẽ được hạch toán vào chi phí năm 2020.



## Đánh giá tình hình hoạt động trong năm 2019







## Tình hình tài chính

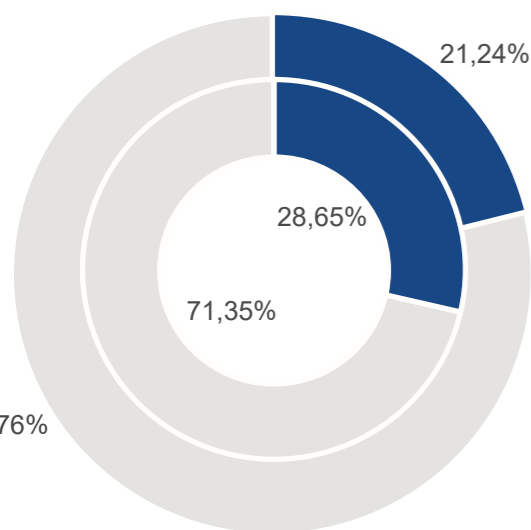
### Tình hình tài sản

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	Tỷ trọng	31/12/2019	Tỷ trọng	Thay đổi
Tài sản ngắn hạn	2.596.281	28,65%	1.960.440	21,24%	(24,49)%
Tài sản dài hạn	6.464.945	71,35%	7.271.263	78,76%	12,47%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>9.061.226</b>	<b>100,00%</b>	<b>9.231.703</b>	<b>100,00%</b>	<b>1,88%</b>

Xét tổng thể, cuối năm 2019 tổng tài sản đạt giá trị gần 9.232 tỷ đồng, tăng trưởng 1,88% so với cùng kỳ năm 2018, Trong đó tài sản dài hạn chiếm 78,76% trong cơ cấu tài sản, còn lại là tài sản ngắn hạn. Cụ thể tài sản dài hạn đạt hơn 7.271 tỷ đồng tăng trưởng 12,47% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do tăng máy móc thiết bị khi hoàn thành các khoản mục xây dựng cơ bản dở dang. Trong khi đó tài sản ngắn hạn lại có bước giảm gần 25% so với năm 2018, ứng với giá trị hơn 1.960 tỷ đồng. Nguyên nhân giảm đến từ hoạt động giảm số tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn và cơ cấu lại các khoản phải thu ngắn hạn.

- Tài sản ngắn hạn
- Tài sản dài hạn



#### Cơ cấu tổng tài sản

Vòng trong: Tổng tài sản tại ngày 31/12/2018  
Vòng ngoài: Tổng tài sản tại ngày 31/12/2019



Đơn vị: triệu đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2019	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	8.752.779	3.988.076	45,56%
Máy móc thiết bị	5.904.397	1.747.008	29,59%
Phương tiện vận tải	73.289	22.919	31,27%
Thiết bị văn phòng	49.969	5.345	10,70%
TSCĐ khác	254	0	0,00%
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.780.688</b>	<b>5.763.348</b>	<b>38,99%</b>

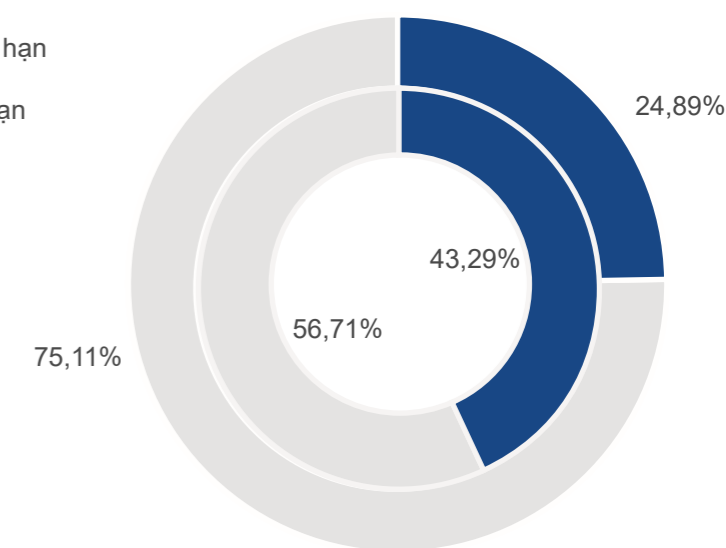
Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2019	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Phần mềm máy vi tính	1.529	836	54,68%

### Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Tỷ trọng năm 2018	Năm 2019	Tỷ trọng năm 2019	% tăng, giảm
Nợ ngắn hạn	1.393.535	43,29%	756.961	24,89%	(45,68)%
Nợ dài hạn	1.825.293	56,71%	2.284.773	75,11%	25,17%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>3.218.828</b>	<b>100,00%</b>	<b>3.041.734</b>	<b>100,00%</b>	<b>(5,50)%</b>

- Nợ ngắn hạn
- Nợ dài hạn



#### Cơ cấu nợ phải trả

Vòng trong: Tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2018  
Vòng ngoài: Tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2019

Chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu nợ vay trong năm 2019 của Công ty là nợ dài hạn với tỷ trọng hơn 75% trong cơ cấu nợ. Đây là yếu tố đặc thù ngành do cần vốn lớn trong thời gian dài để tài trợ cho các dự án, đặc biệt là nguồn vốn vay ODA nước ngoài. Cụ thể, trong năm 2019 tổng nợ phải trả cuối năm 2019 của Công ty ở mức gần 3.042 tỷ đồng, giảm 5,50% so với năm 2018, nguyên nhân do Công ty đã hoàn tất một số hạng mục dự án nên đã giảm các khoản phải trả cho đối tác.



## Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách - quản lý

- ✓ Xây dựng kế hoạch đào tạo ngắn hạn và dài hạn nhằm nâng cao tay nghề và chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV;
- ✓ Xây dựng Thỏa ước lao động tập thể phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước và Tổng Công ty;
- ✓ Xây dựng quy trình điều tiết hồ chứa kết hợp với lịch sửa chữa thiết bị, nhằm khai thác tối đa năng lực hồ chứa nhằm đạt sản lượng điện cao nhất;
- ✓ Tăng cường công tác kiểm tra trong vận hành, kiểm tra chấp hành quy trình, biện pháp kỹ thuật thi công, biện pháp an toàn, nâng cao sản lượng điện.
- ✓ Hoàn thiện mô hình quản lý doanh nghiệp, hệ thống quản trị Công ty, hoàn thiện và thực thi văn hóa doanh nghiệp. Tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với chiến lược và văn hóa của Công ty.



## Kế hoạch phát triển trong tương lai

### Mục tiêu tổng quát

- Đảm bảo hệ thống công trình, thiết bị và các tổ máy phát điện vận hành an toàn, ổn định, hiệu quả;
- Hoàn thành kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận, tỉ lệ cổ tức, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, tài chính, năng suất lao động;
- Vận hành khai thác tối ưu các hồ chứa và đảm bảo cấp nước hạ du;
- Đảm bảo tiến độ thi công đối với các hạng mục còn lại của Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim;
- Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

### Nhiệm vụ

- Cập nhật, hiệu chỉnh và bổ sung các quy trình, quy định, hướng dẫn công việc đối công tác quản lý vận hành, sửa chữa bảo dưỡng và kỹ thuật, an toàn;
- Tiếp tục củng cố và nâng cao kỹ luật vận hành, sửa chữa đảm bảo các thiết bị, tổ máy vận hành ổn định, an toàn, tin cậy và hiệu quả;
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị, tổ máy hợp lý để thuận lợi trong việc chào giá nhằm tăng doanh thu đồng thời đảm bảo tiến độ sửa chữa để thiết bị vận hành an toàn, ổn định;
- Hoàn thành các chỉ tiêu theo chương trình thực hành tiết kiệm và chống lãng phí năm 2020 theo kế hoạch 5 năm (2016-2020);
- Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, xây dựng đội ngũ nhân lực kế thừa, năng lực quản trị và chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo đáp ứng nhu cầu trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty;
- Bảo vệ tốt môi trường, an toàn trong lao động; không để xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn trong lao động;
- Hoàn thành toàn bộ Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim chậm nhất trong quý 3/2021;
- Hoàn thiện các quy chế, quy định áp dụng trong công tác quản trị nội bộ, đẩy mạnh công tác quản lý và giám sát trong quá trình hoạt động của Công ty.



## Giải pháp thực hiện

### Tăng cường kỷ luật trong công tác quản lý vận hành, kỹ thuật, đảm bảo các tổ máy phát điện sẵn sàng phát điện, hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận:

- Phân công, theo dõi chặt chẽ tình trạng hệ thống thiết bị, công trình; có biện pháp ngăn ngừa hiệu quả các nguy cơ xảy ra sự cố; chuẩn bị đầy đủ vật tư dự phòng và các phương án xử lý sự cố; xử lý nhanh chóng, chính xác các sự cố khách quan, hạn chế đến mức thấp nhất các sự cố chủ quan;
- Rà soát, cập nhật và hoàn thiện các phương án kỹ thuật đối với công tác bảo dưỡng, sửa chữa lớn, cải tạo, nâng cấp; tổ chức đấu thầu mua sắm kịp thời, đảm bảo số lượng và chất lượng theo yêu cầu. Nâng cao chất lượng SCL từ giai đoạn khảo sát, lập PAKT, lập kế hoạch đến giai đoạn nghiệm thu vận hành; thực hiện tốt lịch kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, hệ thống thiết bị, công trình...;
- Nghiên cứu, đánh giá chất lượng, kiểm định năng lượng đối với thiết bị, tổ máy đặc biệt đối với các thiết bị đã vận hành trên 10 năm để có kế hoạch cải tạo, nâng cấp phù hợp nhằm vận hành ổn định lâu dài;
- Nghiên cứu kỹ các quy định về vận hành thị trường điện; hệ thống truyền tải, phân phối, trào lưu công suất, nhu cầu của phụ tải, tình trạng các nhà máy điện...; vận dụng linh hoạt các quy định phù hợp với điều kiện thực tế để đạt doanh thu, lợi nhuận cao nhất;
- Thường xuyên trao đổi và phối hợp A0 để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; nghiên cứu, xây dựng các bản chào khoa học, tối ưu nhất về doanh thu, lợi nhuận và kết hợp các công tác khác có liên quan đến thiết bị;
- Phối hợp chặt chẽ với A0, các địa phương trong công tác vận hành, khai thác hồ chứa, đảm bảo hiệu quả cao nhất trong công tác phát điện và cấp nước hạ du, tích nước hồ chứa đạt mức nước cao nhất vào cuối năm;
- Gia hạn Giấy phép hoạt động điện lực đối với Tổ máy 5.

### Thực hiện tốt công tác nâng cao hiệu quả SXKD và NSLĐ, tối ưu hóa chi phí:

- Quản lý chặt chẽ lực lượng lao động; bố trí, phân bổ lực lượng lao động hợp lý, phù hợp với công việc để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh. Hoàn chỉnh các quy định, hướng dẫn để trả lương theo 3P;
- Tổ chức triển khai thực hiện đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu quả vận hành các tổ máy phát điện nhằm tăng hiệu quả vận hành tối đa của thiết bị và giảm chi phí trong việc sửa chữa, bảo dưỡng; áp dụng sửa chữa theo RCM;
- Thực hiện tiết kiệm chi phí trong sản xuất; tổ chức mua sắm tập trung; tổ chức đấu thầu/chào hàng rộng rãi qua mạng, hạn chế tối đa chỉ định thầu hoặc mua sắm trực tiếp trong công tác đấu thầu mua sắm vật tư thiết bị;
- Xây dựng định mức vật tư thiết bị dự phòng cho sản xuất điện, sử dụng hiệu quả vật tư thiết bị tồn kho;
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí và sử dụng hiệu quả dòng tiền;
- Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý và dây chuyền sản xuất.

### Xây dựng lực lượng nhân lực kế thừa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng lực quản trị của Công ty:

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ, xây dựng kế hoạch đào tạo và tuyển dụng nhằm đáp ứng nhu cầu trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty;
- Tổ chức đào tạo chuyên gia trong các lĩnh vực khác nhau, có năng lực giải quyết công việc ở nhiều lĩnh vực mới và phức tạp;
- Tổ chức đánh giá hiệu quả công việc theo hệ thống KPI đã xây dựng.

### Hoàn thiện công tác quản trị nội bộ, thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động (AT-VSLĐ), phòng chống cháy nổ (PCCN), bảo vệ môi trường (BVMT), phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (PCTT&TKCN), an ninh trật tự (ANTT):

- Cập nhật, hiệu chỉnh Quy chế quản trị và các quy định nội bộ dựa trên các quy chế của EVN, Tổng Công ty Phát điện 1.
- Nghiên cứu, triển khai thực hiện các văn bản pháp luật mới ban hành về công tác quản lý hồ chứa, PCCN, bảo vệ môi trường;
- Tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng toàn bộ hệ thống thiết bị, công trình; phối hợp chặt chẽ với các BCH PCTT&TKCN tỉnh Lâm Đồng và Bình Thuận thực hiện tốt kế hoạch công tác PCTT&TKCN hàng năm;
- Phối hợp với cơ quan công an, quân sự địa phương tổ chức thực hiện tốt kế hoạch bảo vệ, đảm bảo an ninh, trật tự trong khu vực và an toàn cho công trình;
- Thực hiện rà soát, hiệu chỉnh, sửa đổi và ban hành mới các quy chế, quy định, quy trình, hướng dẫn công việc theo yêu cầu nhiệm vụ và đúng quy định của ngành và pháp luật hiện hành. Nghiêm túc thực hiện các quy định quản lý nội bộ của Công ty và quy định của pháp luật.



**Kế hoạch dự án**

Đvt: Triệu đồng

Stt	Hạng mục công trình	KH 2020	KH Q1/2020	Ghi chú
1	Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim	91.377	6.995	Dự án nhiều năm
	Vốn vay	80.809	5.746	
	Vốn đối ứng	10.568	1.249	
2	Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	17.110	1.695	Dự án nhiều năm
	Vốn vay	-	-	
	Vốn đối ứng	17.110	1.695	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>108.487</b>	<b>8.690</b>	

**Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim**

Để đạt được mục tiêu hoàn thành toàn bộ Dự án chậm nhất vào trong quý 3/2021, Công ty cần thực hiện các giải pháp như sau:

**Thủ tục pháp lý**

- Báo cáo và xin ý kiến chấp thuận của Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo về việc chuyển phương án thi công;
- Điều chỉnh, bổ sung các thủ tục gia hạn giấy phép nổ mìn, phụ lục hợp đồng để thi công trở lại;
- Báo cáo Bộ Công thương (BCT), Cơ quan hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) và các cơ quan quản lý vốn về việc chuyển đổi phương án và điều chỉnh hợp đồng thi công xây dựng;
- Báo cáo và xin bổ sung chi phí tư vấn giám sát (TVGS) từ nguồn vốn dự phòng trong Hiệp định vay vốn;
- Gia hạn Hiệp định để đảm bảo nguồn vốn và hiệu quả của Dự án.

**Các giải pháp kỹ thuật**

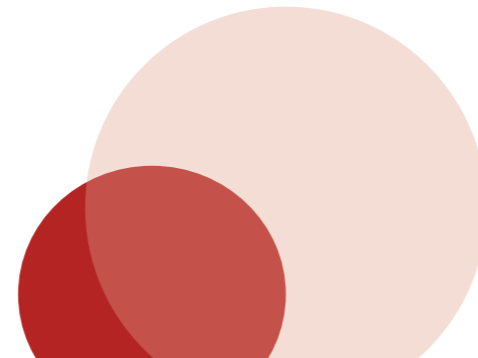
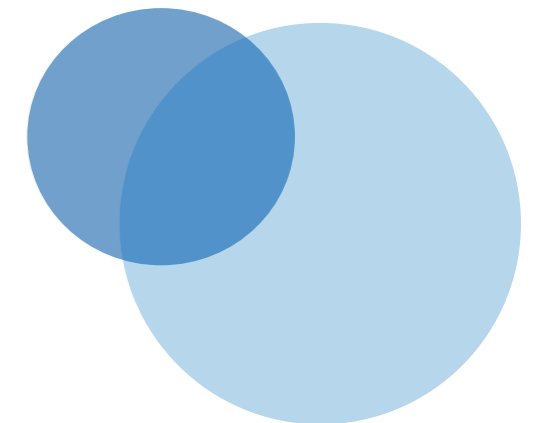
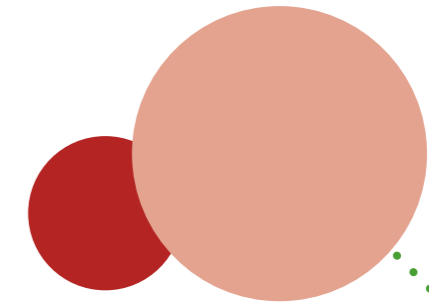
- Hoán đổi tiến độ thi công một số hạng mục theo điều kiện thực tế: Gia cố vò hàm, Phun vữa, Tháp điều áp, Bẫy đá...;
- Kiểm tra, cập nhật điều kiện địa chất, tình trạng đoạn hầm đã thi công để hoàn thiện các giải pháp thi công;
- Phối hợp TVGS, Nhà thầu CC47 lập phương án thi công khoan hầm bằng biện pháp khoan nổ theo 2 hướng;
- Yêu cầu Nhà thầu hoàn thành công tác chuẩn bị để có thể triển khai thi công ngay trong tháng 1 khi được phép của chủ đầu tư.

**Về chi phí**

- Lập dự toán và tổ chức thẩm tra, trình duyệt để làm cơ sở đàm phán với Nhà thầu;
- Đàm phán với Nhà thầu về chi phí thi công đảm bảo đúng quy định pháp luật và không vượt giá gói thầu, không vượt tổng mức đầu tư;
- Thương thảo giảm chi phí TVGS sau khi chuyển phương án khoan nổ;
- Rà soát và tiết giảm các chi phí phát sinh do chậm tiến độ.

**Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 (đang chờ duyệt)**

Stt	Chỉ tiêu	KH 2020
1	Tổng doanh thu	1.845.057 triệu đồng
2	Lợi nhuận từ HĐKD	740.793 triệu đồng
3	Lợi nhuận trước thuế	740.793 triệu đồng
4	Lợi nhuận sau thuế	592.579 triệu đồng





## Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019



**EVNHPC DHD**

Phân phối lợi nhuận	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Cổ tức (24%)	1.013.760.000.000	95,32
Trong đó: đã tạm ứng 10%	422.400.000.000	
Quỹ Đầu tư phát triển	-	-
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	618.804.000	0,06
Quỹ Khen thưởng phúc lợi	15.478.000.000	1,46
Lợi nhuận giữ lại lại	33.731.605.380	3,17

Thực hiện năm 2019



## Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

### Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty luôn nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ môi trường, thực đúng và đầy đủ các cam kết bảo vệ môi trường. Qua các đợt thanh kiểm tra về công tác bảo vệ môi trường tại Công ty trong năm 2019, EVNHPC DHD đã được các cơ quan quản lý về môi trường đánh giá cao về công tác bảo vệ môi trường.

Do đặc thù của ngành điện các chất thải này chủ yếu phát sinh trong hoạt động quản lý vận hành bao gồm: Dầu cách điện thải, ắc quy chì thải, thiết bị thải có chứa amiăng, giẻ lau dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, các loại linh kiện, thiết bị điện, điện tử thải. Để chủ động thực hiện tốt trong việc phân loại, lưu trữ các chất thải nguy hại phát sinh ban đầu trong quá trình vận hành, EVNHPC DHD đã xây dựng các kho chứa chất thải nguy hại để lưu giữ chất thải nguy hại, phân loại, sắp xếp và để đúng chỗ, phù hợp với yêu cầu lưu giữ của từng nhóm chất thải. Các thiết bị điện chứa dầu như, máy biến điện áp, máy biến dòng điện, máy điều hòa, máy tính điện tử... được thu hồi từ sửa chữa được quản lý và bàn giao để lưu kho của Công ty.



### Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Việc trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp thực hiện theo quy định của Nhà nước, tỷ lệ tham gia bảo hiểm của CBCNV Công ty là 100%. Ngoài ra, Công ty thực hiện mua Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho tất cả CB - CNV. Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm chăm sóc đến đời sống của cán bộ công nhân viên làm việc tại Công ty như hỗ trợ bữa ăn giữa ca; phụ cấp cho các bộ phận làm việc ở môi trường nặng nhọc, độc hại; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động...

Thỏa ước lao động tập thể đã được Công ty xây dựng và đăng ký với cơ quan quản lý lao động theo đúng quy định của Pháp luật là cầu nối hữu hiệu giữa người lao động và doanh nghiệp. Các chế độ BHXH, BHYT được Công ty thực hiện đầy đủ cho người lao động thuộc diện bắt buộc đóng BHXH, chấp hành nghĩa vụ đóng BHXH đầy đủ và đúng hạn. Tỷ lệ tham gia các buổi thương lượng thỏa ước lao động tập thể và bảo hiểm của nhân viên tại Công ty là 100%.

Tất cả chính sách lương, thưởng và phúc lợi đều được ban hành chi tiết, rõ ràng thành quy chế, thể hiện đầy đủ trong thỏa ước lao động tập thể, phù hợp với quy định hiện hành và được phổ biến công khai trong toàn Công ty. Hàng năm, Công ty tổ chức du lịch nghỉ dưỡng cho toàn thể CBCNV, thực thi chính sách chăm sóc sức khỏe định kỳ tại bệnh viện uy tín và chất lượng, hỗ trợ thu nhập thêm cho các trường hợp thai sản, ốm đau, tặng quà vào các dịp lễ tết. Đồng thời, EVNHPC DHD cũng có các tổ chức Công đoàn, đoàn thanh niên, tổ chức Đảng... sẵn sàng hỗ trợ người lao động khi cần thiết.

Những kiến nghị, ý kiến đóng góp của người lao động được ghi nhận và được giải đáp trong các cuộc họp bộ phận liên quan. Tất cả nhân viên đều được đối xử bình đẳng và hưởng sự bảo vệ thích đáng của Công ty trước mọi hành vi phân biệt đối xử trong việc làm hoặc nghề nghiệp. EVNHPC DHD cam kết tất cả nhân viên đều được ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam, không sử dụng lao động trẻ em và cưỡng bức lao động dưới mọi hình thức. Để làm được điều đó, cần có một môi trường làm việc nuôi dưỡng và thúc đẩy sự đoàn kết phát triển của toàn thể CBCNV, trong đó những quy tắc đạo đức ứng xử, các chế độ đào tạo chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và các đặc trưng văn hóa của EVNHPC DHD sẽ là nền tảng đúc kết.



### Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn chú trọng đến công tác hỗ trợ cộng đồng địa phương. Công ty tham gia tích cực một số công tác xã hội tại địa phương như vận động gây quỹ ủng hộ đồng bào bị thiên tai, đóng góp xây dựng nhà tình thương, gây quỹ học bổng nhằm khuyến khích các em học giỏi, vượt khó. Đồng thời trong năm, Công ty cũng phối hợp với Hội chữ thập đỏ thành phố Bảo Lộc và Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng tổ chức cho CBCNV của Công ty thực hiện hiến máu tình nguyện ứng "Chiến dịch vận động hiến máu tình nguyện dịp tết và Lễ hội Xuân hồng năm 2019".





# PHẦN IV

## BÁO CÁO CỦA

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty



Đánh giá các mặt hoạt động của Ban Tổng Giám đốc



Kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

## Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty



- Trong năm 2019, với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động, các bên có quyền lợi liên quan và sự phát triển của Công ty, HĐQT đã chỉ đạo ban Tổng Giám đốc một cách sát sao và kịp thời. Công ty đã đạt được một số thành tựu nổi bật như tổng sản lượng điện sản xuất đạt 2.669,7 tr.Kwh, tổng doanh thu thuần đạt trên 2.195 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 1.047,5 tỷ đồng, tất cả các chỉ tiêu đều vượt kế hoạch do ĐHĐCĐ đề ra.
- Về công tác Đầu tư xây dựng - Đầu tư phát triển, Công ty hoàn thành xuất sắc đúng tiến độ, đưa vào khai thác thương mại giai đoạn 1 dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim và nhà máy điện mặt trời Đa Mi, mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.
- Về công tác chi trả cổ tức, căn cứ vào phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 về chi trả cổ tức cho cổ đông, Công ty đã tiến hành chi trả cổ tức năm 2018 cho cổ đông đúng theo phương án.
- Về công tác cán bộ, nhân viên, Công ty tiếp tục thực hiện chính sách chăm lo, nâng cao chất lượng cuộc sống cho tập thể CBCNV, đảm bảo thu nhập cho người lao động. Xây dựng lực lượng nhân lực kế thừa tài năng, trình độ cao, sẵn sàng đóng góp cho sự phát triển chung của Công ty.



## Đánh giá các mặt hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban Điều hành trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT năm 2019 như sau:

- Thông qua các cuộc họp HĐQT và qua trao đổi bằng các phương tiện thông tin liên lạc, HĐQT đã thường xuyên chỉ đạo và trao đổi với Ban Điều hành để đưa ra các giải pháp, phương án để thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh của năm 2019 .
- Ban Tổng Giám đốc điều hành hoạt động Công ty luôn tuân thủ và bám sát Nghị quyết của HĐQT đã thông qua đúng phân cấp và thẩm quyền đã được quy định tại Điều lệ Công ty, đối với các sự việc phát sinh vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc đều thực hiện hợp trao đổi và xin ý kiến của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ để thực hiện.
- Quản lý vận hành Công ty theo những thông lệ quản trị tốt nhất nhằm đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và người lao động. Áp dụng các biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý Công ty .
- Thực hiện công bố thông tin một cách đầy đủ chính xác và kịp thời về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cho các cổ đông và cơ quan quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

Trong năm 2019, Mặc dù Ban Tổng giám đốc đã có nhiều cố gắng, nỗ lực hoàn thành mục tiêu được giao, nhưng do điều kiện thời tiết khô hạn, lưu lượng nước về hồ giảm, tần suất nước về trong năm cũng giảm so với trung bình nhiều năm dẫn đến việc chưa đạt được sản lượng điện như kế hoạch đề ra. Đây là thực tế khách quan và cũng là tình trạng bất khả kháng của các nhà máy thủy điện trên địa bàn miền Trung trong năm 2019 vừa qua. Tuy nhiên Ban Điều hành đã điều hành Công ty đạt được những kết quả nhất định, tiết kiệm chi phí, tuân thủ pháp luật và được người lao động trong Công ty tín nhiệm, quan hệ tốt với đối tác, với chính quyền nhiều địa phương.

Hội đồng quản trị đánh giá Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Quyết định của Hội đồng quản trị một cách trung thực và cẩn trọng. Bên cạnh Ban Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc còn có các cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn phù hợp, có năng lực và tinh thần trách nhiệm với công việc. Trong Công ty có sự đoàn kết nội bộ và sự phối hợp hoạt động nhịp nhàng đã tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện tạo tiền đề giúp Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã giao.







## Kế hoạch định hướng của HĐQT

HĐQT duy trì chế độ họp định kỳ và bất thường để kịp thời chỉ đạo và giám sát các hoạt động của Ban Điều hành Công ty, đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty. Xây dựng các quy chế hoạt động rõ ràng, minh bạch để thuận lợi cho việc điều hành và thực hiện. Các kế hoạch, định hướng cụ thể của HĐQT trong năm như sau:

- Đảm bảo tiến độ thi công đối với các hạng mục còn lại của Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim;
- Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và đảm bảo thu nhập cho người lao động, xây dựng lực lượng nhân lực kế thừa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng lực quản trị của Công ty;
- Thực hiện tốt công tác nâng cao hiệu quả SXKD và NSLĐ, tối ưu hóa chi phí, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý và dây chuyền sản xuất;
- Tăng cường kỷ luật trong công tác quản lý vận hành, kỹ thuật, đảm bảo các tổ máy phát điện sẵn sàng phát điện, hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận;
- Hoàn thiện công tác quản trị nội bộ, thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, an ninh tiền tệ.



**EVNHPC DHD**



# PHẦN V

## QUẢN TRỊ CÔNG TY



Hội đồng quản trị



Hoạt động của Hội đồng quản trị



Ban kiểm soát



Các giao dịch, thù lao và khoản lợi ích



## Hội đồng quản trị

### Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Trọng Oánh	Chủ tịch HĐQT	7/7	100%
2	Ông Lê Văn Quang	Thành viên HĐQT	7/7	100%
3	Ông Đỗ Minh Lộc	Thành viên HĐQT	7/7	100%

### Ông Nguyễn Trọng Oánh - Chủ tịch HĐQT

**Năm sinh** 1964

**Quốc tịch** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn** Kỹ sư thiết bị nhà máy điện

- Từ 11/1985 đến 12/1992: Kỹ sư điện - NMTĐ Trị An
- Từ 01/1993 đến 06/1993: Đốc công phân xưởng cơ điện - NMTĐ Trị An
- Từ 09/1993 đến 12/1994: Kỹ sư điện NMTĐ Thác Mơ
- Từ 12/1994 đến 10/1995: Phó quản đốc Phân xưởng sửa chữa - NMTĐ Thác Mơ
- Từ 11/1995 đến 01/2000: Quản đốc Phân xưởng sửa chữa - NMTĐ Thác Mơ
- Từ 02/2000 đến 12/2000; Phó Giám đốc NMTĐ Thác Mơ
- Từ 01/2001 đến 08/2006: Giám đốc NMTĐ Thác Mơ
- Từ 09/2006 đến 08/2007: Phó Trưởng ban QLDA NMTĐ Sơn la kiêm Trưởng ban CBSX NMTĐ SơnLa
- Từ 09/2007 đến 09/2011: Giám đốc - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
- Từ 10/2011 đến 06/2017: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
- Từ 07/2017 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

**Chức vụ hiện nay tại Công ty** Chủ tịch Hội đồng Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

**Chức vụ tại tổ chức khác hiện nay** Ủy viên hội đồng quản trị các Công ty: Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha, Công ty cổ phần phong điện Thuận Bình, Công ty cổ phần Thủy điện A Vương.

**SLCP đại diện** 189.946.395 cổ phiếu chiếm 45% vốn điều lệ

**SLCP cá nhân sở hữu** 400 cổ phiếu

### Ông Lê Văn Quang - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Xem lý lịch tại mục Lý lịch Ban Điều hành trang 27

### Ông Đỗ Minh Lộc - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Xem lý lịch tại mục Lý lịch Ban Điều hành trang 29

### Các Nghị quyết, quyết định trong năm của HĐQT:

Trong năm 2019, EVNHPC DHD đã ra tổng cộng 72 NQ/QĐ trong đó có 7 NQ/QĐ được thông qua tại cuộc họp, số còn lại được xin ý kiến bằng văn bản, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	3/QĐ-TĐĐHĐ	09/01/2019	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch tổng thể thực hiện Dự án: Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim
2	4/QĐ-TĐĐHĐ	09/01/2019	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu Sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2019 - Phần thiết bị công nghệ
3	6/NQ-TĐĐHĐ	17/01/2019	Nghị quyết Hội đồng quản trị phiên họp lần 01 năm 2019
4	7/QĐ-TĐĐHĐ	24/01/2019	Quyết định về việc áp dụng Quy định phân phối tiền thưởng An toàn điện trong Tổng Công ty Phát điện 1 tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim -Hàm Thuận - Đa Mi
5	8/QĐ-TĐĐHĐ	30/01/2019	Quyết định về việc thành lập Hội đồng nghiệm thu cấp Chủ đầu tư Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi
6	9/NQ-TĐĐHĐ	15/02/2019	Nghị quyết về việc thông qua phương án thu xếp vốn trong nước cho Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi
7	10/QĐ-TĐĐHĐ	18/02/2019	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá gói thầu BS04: Quan trắc chuyển dịch chu kỳ "0" và chu kỳ "1" thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu bổ sung đợt 3 Dự án: Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim
8	11/QĐ-TĐĐHĐ	19/02/2019	Quyết định Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà tài trợ cung cấp khoản vay Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi
9	12/NQ-TĐĐHĐ	22/02/2019	Nghị quyết về việc thông qua kế hoạch bổ sung chi phí Tư vấn giám sát và gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng cho Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim
10	14/NQ-TĐĐHĐ	25/02/2019	Nghị quyết về việc thông qua giải pháp thiết kế hệ thống xả, giám sát dòng chảy tối thiểu sau đập Hàm Thuận
11	15/NQ-TĐĐHĐ	04/03/2019	Nghị quyết về việc thông qua thời gian chốt danh sách cổ đông và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2019

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
12	16/QĐ-TĐĐHĐ	05/03/2019	Quyết định về việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật công trình Nhà máy điện mặt trời Đa Mi
13	17/QĐ-TĐĐHĐ	05/03/2019	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2019 - Phần công trình xây dựng
14	18/NQ-TĐĐHĐ	05/03/2019	Nghị quyết về việc thông qua kế hoạch tiền lương CBSX cho Nhà máy điện mặt trời Đa Mi (Giai đoạn chưa đưa vào vận hành)
15	19/NQ-TĐĐHĐ	05/03/2019	Nghị quyết về việc tuyển dụng lao động năm 2019
16	20/QĐ-TĐĐHĐ	11/03/2019	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu DMS-26.3: Cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống FR/PQ/PMU và Gói thầu DMS-26.4: Cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống truyền dữ liệu SCADA về EVN SPC Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi
17	21/QĐ-TĐĐHĐ	11/03/2019	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu "Các gói thầu sửa chữa lớn năm 2019 (Đợt 1)"
18	22/QĐ-TĐĐHĐ	11/03/2019	Quyết định về việc phê duyệt tiền nhân công quyết toán sửa chữa lớn tự làm năm 2018
19	23/QĐ-TĐĐHĐ	11/03/2019	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán tiền nhân công thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật năm 2018
20	24/NQ-TĐĐHĐ	12/03/2019	Nghị quyết về việc thông qua tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2018
21	25/NQ-TĐĐHĐ	13/03/2019	Nghị quyết về việc thông qua chi trả trước cổ tức năm 2018 lần 2 cho Tổng Công ty Phát điện 1
22	26/NQ-TĐĐHĐ	20/03/2019	Nghị quyết về việc thông qua Phụ lục số 02 của Hợp đồng số 115/DHD-NA-RIME&QIHUA ngày 29/05/2018 về việc thực hiện gói thầu DMS-9: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống phao neo Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi
23	27/QĐ-TĐĐHĐ	22/03/2019	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu "Cung cấp, lắp đặt thiết bị điều tốc tổ máy phát điện Sông Pha"
24	28/QĐ-TĐĐHĐ	22/03/2019	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu "Các gói thầu đầu tư phát triển năm 2019 (Đợt 1)"
25	30/NQ-TĐĐHĐ	22/03/2019	Nghị quyết về việc thông qua gia hạn thời hạn trả nợ gốc hợp đồng huy động vốn số 01/2014/EVNGENCO1-DHD
26	32/QĐ-TĐĐHĐ	02/04/2019	Quyết định về việc rà soát, sửa đổi quy chế phân phối tiền lương SXKD khác
27	34/NQ-TĐĐHĐ	02/04/2019	Nghị quyết Hợp Hội đồng quản trị phiên họp lần 02 năm 2019
28	35/QĐ-TĐĐHĐ	05/04/2019	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2019 - Phần công trình xây dựng, đợt 2

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
29	36/NQ/TĐĐHĐ	05/04/2019	Nghị quyết về việc thông qua Phụ lục số 02 của Hợp đồng số 126/2018/EPC/TĐĐHĐ/PCC1/AIT/ATS ký ngày 21/6/2018 về việc thực hiện gói thầu DMS/10: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt, thử nghiệm trạm và đường dây 110kV Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi
30	37/QĐ/TĐĐHĐ	05/04/2019	Quyết định về việc phê duyệt tiền nhân công dự toán sửa chữa lớn tự làm năm 2019
31	39/NQ/TĐĐHĐ	11/04/2019	Nghị quyết về việc thông qua Báo cáo xin ý kiến biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha năm 2019
32	41/QĐ/TĐĐHĐ	19/04/2019	Quyết định về việc đề cử thành viên Hội đồng quản trị tại Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình nhiệm kỳ 2019 / 2023
33	44/QĐ/TĐĐHĐ	24/04/2019	Quyết định về việc phê duyệt danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2020 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim / Hàm Thuận / Đa Mi
34	46/NQ/TĐĐHĐ	24/04/2019	Nghị quyết về việc thông qua Hợp đồng Gói thầu số 02/SCL2019 "Sửa chữa công trình thủy công khu vực đập Đơn Dương" thuộc kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019
35	51/NQ/TĐĐHĐ	26/04/2019	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
36	53/NQ/TĐĐHĐ	05/06/2019	Nghị quyết về việc quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 của người lao động
37	54/QĐ/TĐĐHĐ	06/05/2019	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch tiền lương SXKD điện năm 2019 của người lao động
38	55/NQ/TĐĐHĐ	14/05/2019	Nghị quyết về việc chi trả cổ tức năm 2018 đợt cuối
39	56/QĐ/TĐĐHĐ	15/05/2019	Quyết định về việc khen thưởng Ban điều hành Công ty năm 2018
40	57/QĐ/TĐĐHĐ	15/05/2019	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu "Các gói thầu đầu tư phát triển năm 2019 (Đợt 2)"
41	58/NQ/TĐĐHĐ	15/05/2019	Nghị quyết về việc thông qua Hợp đồng Gói thầu "Cung cấp, lắp đặt hệ thống điều tốc tổ máy H2 Nhà máy Hàm Thuận" thuộc kế hoạch đầu tư phát triển năm 2019
42	59/NQ/TĐĐHĐ	29/05/2019	Nghị quyết về việc thông qua Hợp đồng Gói thầu "Cung cấp, lắp đặt thiết bị kích từ tổ máy phát điện Sông Pha" Thuộc kế hoạch sửa chữa lớn năm 2019
43	60/NQ/TĐĐHĐ	03/06/2019	Nghị quyết về việc thông qua Hợp đồng gói thầu "Cung cấp, lắp đặt hệ thống điều khiển tổ máy H2 nhà máy Hàm Thuận" thuộc kế hoạch đầu tư phát triển năm 2019
44	61/QĐ/TĐĐHĐ	10/06/2019	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu DMS/26.5: Cung cấp hệ thống quản lý lệnh Điều độ Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi
45	62/NQ/TĐĐHĐ	11/06/2019	Nghị quyết về việc điều chỉnh thời hạn trả nợ gốc hợp đồng cho vay lại số 05/2007/ĐN/EVN/TCKT

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
46	63/NQ-TĐĐHĐ	17/06/2019	Nghị quyết về việc thông qua Hợp đồng Gói thầu "Cung cấp, lắp đặt hệ thống kích từ tổ máy H2 Nhà máy Hàm Thuận" thuộc kế hoạch đầu tư phát triển năm 2019
47	64/NQ-TĐĐHĐ	18/06/2019	Nghị quyết về việc thông qua Hợp đồng Mua bán điện sửa đổi bổ sung số 8
48	70/NQ-TĐĐHĐ	09/07/2019	Nghị quyết Hợp Hội đồng quản trị phiên họp lần 03 năm 2019
49	71/NQ-HĐQT	09/07/2019	Thông qua giới thiệu nhân sự ứng cử thành viên Ban kiểm soát và chốt danh sách cổ đông để đại hội cổ đông bất thường
50	77/NQ-TĐĐHĐ	24/07/2019	Nghị quyết về việc thông qua Phụ lục hợp đồng số 5 của Hợp đồng số 353/DHD-MC, GPIL and AHF ngày 21/11/2016 thuộc Gói thầu số 12.03 -(DNE-D3): Cung cấp và lắp đặt thiết bị cơ điện thuộc Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim
51	78/NQ-TĐĐHĐ	24/07/2019	Nghị quyết về việc thông qua Phụ lục hợp đồng số 2 của Hợp đồng số 12/DHD-NARIME&COMA ngày 15/01/2016 thuộc Gói thầu số 12.02 - (DNE-D2): Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công thuộc Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim
52	79/NQ-TĐĐHĐ	24/07/2019	Nghị quyết về việc thông qua Phụ lục hợp đồng số 4 của Hợp đồng số 222/TDDHD-NK&PECC3&NKV ngày 08/07/2015 thuộc Gói thầu số 12 - (DNE-C1): Giám sát thi công xây lắp thuộc Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim
53	80A/NQ-HĐQT	01/08/2019	Quyết định về việc phê duyệt kết quả quy hoạch cán bộ diện Công ty quản lý giai đoạn 2019-2020 và giai đoạn 2020-2025
54	83/NQ-TĐĐHĐ	09/08/2019	Nghị quyết về việc gia hạn thời hạn trả nợ gốc hợp đồng huy động vốn số 01/2015/EVNGENCO1-DHD và 02/2015/EVNGENCO1-DHD
55	84/QĐ-TĐĐHĐ	15/08/2019	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu "Các gói thầu đầu tư phát triển năm 2019 (Đợt 3)"
56	85/NQ-TĐĐHĐ	16/08/2019	Nghị quyết về việc thông qua tuyển dụng lao động năm 2019 - Đợt 2
57	87/QĐ-TĐĐHĐ	26/08/2019	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu "Các gói thầu đầu tư phát triển năm 2019 (Đợt 4)"
58	89/NQ-TĐĐHĐ	27/08/2019	Nghị quyết ĐHCĐ bất thường năm 2019
59	93/NQ-TĐĐHĐ	23/09/2019	Nghị quyết về việc phê duyệt Phương án vay vốn và chi phí vay vốn phát sinh của Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
60	95/QĐ-TĐĐHĐ	07/10/2019	Nghị quyết về việc thông qua Phụ lục số 02 của Hợp đồng số 133/DHD-HDEC& CHINT&SINOHYDRO ngày 04/07/2018 của gói thầu DMS-8:Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống thiết bị quang điện Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi
61	96/NQ-TĐĐHĐ	07/10/2019	Nghị quyết về việc thông qua phụ lục hợp đồng tư vấn, công tác "Khảo sát và lập phương án kỹ thuật xử lý sụt trượt đường hầm dẫn nước để đảm bảo an toàn công trình và thiết bị TBM"
62	99/NQ-TĐĐHĐ	29/10/2019	Nghị quyết về việc xem xét phê duyệt điều chỉnh tỷ lệ nguồn vốn đầu tư của Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi
63	100/NQ-TĐĐHĐ	30/10/2019	Nghị quyết về việc phê duyệt bổ sung chi phí quản lý dự án từ năm 2019 đến 2020 Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim (trình lại do lỗi hệ thống)
64	101/NQ-TĐĐHĐ	14/11/2019	Nghị quyết thông qua Phụ lục số 06 - Công tác "Thi công xử lý sụt trượt đường hầm dẫn nước để đảm bảo an toàn công trình và thiết bị TBM"thuộc Hợp đồng số 368/DHD-CC47 ngày 09/12/2015 - Dự án: Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim
65	102/NQ-TĐĐHĐ	14/11/2019	Nghị quyết về việc phê duyệt Thư chào cung cấp dịch vụ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bảo Lộc
66	103/NQ-TĐĐHĐ	19/11/2019	Nghị quyết về việc phê duyệt chi phí vay vốn phát sinh thuộc Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi
67	105/NQ-TĐĐHĐ	26/11/2019	Nghị quyết về việc phê duyệt chủ trương, thực hiện quy trình thủ tục bổ nhiệm Phó phòng Kỹ thuật và An toàn
68	105.1/NQ-TĐĐHĐ	29/11/2019	Nghị quyết về việc thông qua Phụ lục số 04 của Hợp đồng số 115/DHD-NARIME&QIHUA ngày 29/05/2018 thực hiện gói thầu DMS-9: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống phao neo Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi
69	108/NQ-TĐĐHĐ	03/12/2019	Nghị quyết Hợp Hội đồng quản trị phiên họp lần 04 năm 2019
70	110/NQ-TĐĐHĐ	17/12/2019	Nghị quyết về việc thông qua chi phí và Phụ lục hợp đồng tư vấn, công tác "Thiết kế kỹ thuật - Bổ sung - Hiệu chỉnh đoạn hầm dẫn nước còn lại" thuộc Hợp đồng số 326/2013/HĐTV-TĐĐHĐ-PECC2 ngày 14/03/2013. Dự án: Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim
71	111/NQ-TĐĐHĐ	17/12/2019	Nghị quyết về việc trình thông qua phụ lục số 07 - Công tác "Khối lượng (tạm tính) và thời gian dự kiến thi công khoan nổ mìn truyền thống đoạn hầm 929m còn lại, hạng mục đường hầm áp lực" thuộc Hợp đồng số 368/DHD-CC47 ngày 09/12/2015, Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim.
72	118/NQ-TĐĐHĐ	24/12/2019	Nghị quyết về việc thông qua Phụ lục hợp đồng số 6 của Hợp đồng số 353/DHD-MC, GPIL and AHF ngày 21/11/2016 thuộc Gói thầu số 12.03 -(DNE-D3): Cung cấp và lắp đặt thiết bị cơ điện Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim



## Hoạt động của Hội đồng quản trị

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và các bên có quyền lợi liên quan, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành Công ty một cách sát sao và kịp thời để hoàn thành tốt kế hoạch SXKD. Thường xuyên cập nhật những quy định mới của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và áp dụng những thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị Công ty phù hợp với điều kiện của Công ty. HĐQT đã hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và đem lại hiệu quả tốt nhất có thể cho Công ty. Thực hiện tốt các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT về quản trị, giám sát, chiến lược, quản trị rủi ro, nhân sự và lương thưởng...

Các hoạt động chính của HĐQT trong năm 2019 như sau:

- Nghiên cứu chiến lược tài chính ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
- Thẩm tra Ngân sách hằng năm và kế hoạch dài hạn của Công ty.
- Thẩm tra và đề xuất mức cổ tức hằng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng.
- Thảo luận và củng cố định hướng để triển khai quản lý các rủi ro trọng yếu cho Công ty.
- Và các hoạt động chuyên môn khác.



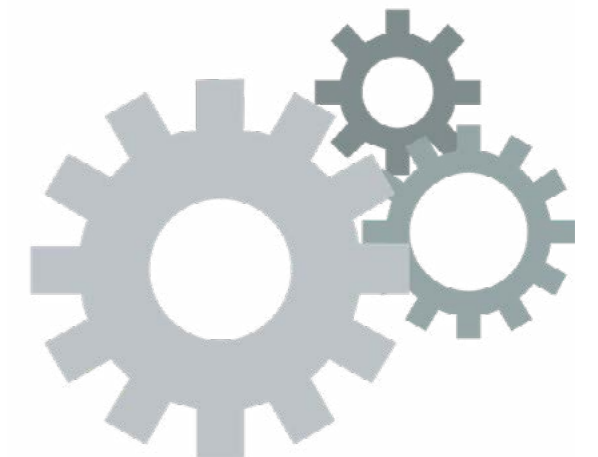
## Ban kiểm soát

### Danh sách thành viên BKS

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự (%)	Lý do
1	Ông Ngô Thế Long	Trưởng BKS			
2	Ông Hoàng Văn Long	Kiểm soát viên			
3	Bà Bùi Thị Thu Trang	Kiểm soát viên			

### Ông Ngô Thế Long - Trưởng Ban kiểm soát

<b>Năm sinh</b>	1980
<b>Quốc tịch</b>	Việt Nam
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Cử nhân Kinh tế
<b>Quá trình công tác</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Từ 04/2004 - 10/2009: Nhân viên kế toán Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.</li> <li>• Từ 10/2009 - 06/2016: Phó phòng TCKT Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.</li> <li>• Từ 06/2016 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.</li> </ul>
<b>Chức vụ hiện nay tại Công ty</b>	Trưởng Ban kiểm soát - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
<b>Chức vụ tại tổ chức khác hiện nay</b>	Trưởng Ban kiểm soát - Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha
<b>SLCP đại diện</b>	0 cổ phiếu
<b>SLCP cá nhân sở hữu</b>	0 cổ phiếu



**Ông Hoàng Văn Long - Kiểm soát viên**

<b>Năm sinh</b>	1980
<b>Quốc tịch</b>	Việt Nam
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Kỹ sư XDDDCN; Cử nhân QTKD <ul style="list-style-type: none"> <li>Từ 03/2002 đến 04/2010: Nhân viên tiếp nhận vật tư, nhân viên kỹ thuật, kỹ thuật thi công, Công ty Lắp máy 69-1 nay là CTCP LILAMA 69-1 (Đại Phúc - Bắc Ninh).</li> <li>Từ 05/2010 đến 06/2012: Công nhân kỹ thuật phân xưởng Cơ nhiệt, Công ty nhiệt điện Uông Bí.</li> <li>Từ 07/2012 đến 06/2013: Kỹ thuật viên phân xưởng Cơ nhiệt, Công ty nhiệt điện Uông Bí.</li> <li>Từ 07/2013 đến nay: Chuyên viên Ban Tổng hợp, Tổng Công ty Phát điện 1.</li> <li>Từ 06/2018 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát</li> </ul>
<b>Quá trình công tác</b>	
<b>Chức vụ hiện nay tại Công ty</b>	Kiểm soát viên
<b>Chức vụ tại tổ chức khác hiện nay</b>	Chuyên viên Ban Tổng hợp, Tổng Công ty Phát điện 1
<b>SLCP đại diện</b>	0 cổ phiếu
<b>SLCP cá nhân sở hữu</b>	0 cổ phiếu

**Bà Bùi Thị Thu Trang - Kiểm soát viên**

<b>Năm sinh</b>	1990
<b>Quốc tịch</b>	Việt Nam
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Thạc sĩ kế toán <ul style="list-style-type: none"> <li>Từ 01/07/2012 đến ngày 15/06/2013: Kiểm toán viên, Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY, Hà Nội</li> <li>Từ 16/06/2013 đến nay: Chuyên viên Ban Tài chính kế toán, Tổng Công ty Phát điện 1</li> <li>Từ 27/08/2019 đến nay: Kiểm soát viên Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi</li> </ul>
<b>Quá trình công tác</b>	
<b>Chức vụ hiện nay tại Công ty</b>	Kiểm soát viên
<b>Chức vụ tại tổ chức khác hiện nay</b>	Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán - Tổng Công ty Phát điện 1
<b>SLCP đại diện</b>	0 cổ phiếu
<b>SLCP cá nhân sở hữu</b>	0 cổ phiếu

**Danh sách thay đổi thành viên Ban kiểm soát**

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày từ nhiệm
1	Bà Bùi Thị Thu Trang	Kiểm soát viên	27/08/2019	-
2	Bà Hoàng Thị Thanh Hương	Kiểm soát viên	-	27/08/2019

**Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành**

Trong năm, BKS đã phân công tham gia các hoạt động kiểm kê để cùng Ban KSNB & các phòng ban, bộ phận theo dõi quy trình, ghi chép sổ sách. Qua kiểm tra, BKS nhận thấy:

- Sổ sách, phần mềm kế toán cập nhật đầy đủ, rõ ràng, ghi nhận đầy đủ các số liệu theo đúng qui định của Công ty và các chuẩn mực kế toán. Các chứng từ thanh toán đầy đủ tính hợp pháp, hợp lý.
- Công nợ, số dư tiền gửi, tiền vay, số liệu tồn kho nguyên vật liệu, thành phẩm,... được theo dõi đầy đủ, chi tiết có đối chiếu và xác nhận. Ban kiểm soát nội bộ có gửi báo cáo & phối hợp cùng Ban kiểm soát để theo dõi.
- Các nội dung của Báo cáo tài chính năm 2019, báo cáo tài chính tài chính 6 tháng, báo cáo tài chính năm, soát xét các báo cáo kết quả hoạt động SXKD được lập đúng biểu mẫu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành. Số liệu phản ánh trên báo cáo tài chính năm 2019 đã được thể hiện đầy đủ, kịp thời, rõ ràng, chính xác, trung thực và hợp lý; đã được kiểm toán độc lập.

Hoạt động của BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- HĐQT và ban điều hành luôn tuân thủ theo Điều lệ, Quy chế quản trị và Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên. Thực hiện đầy đủ việc công bố thông tin theo luật định. Phối hợp với BKS thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành SXKD theo đúng Luật doanh nghiệp, điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Kết quả giám sát cho thấy chưa phát hiện trường hợp sai phạm.
- BKS thống nhất với toàn bộ nội dung đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT được xác định trong Báo cáo tổng kết của HĐQT về kết quả hoạt động SXKD năm 2019 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2020.
- BĐH luôn bám sát việc chỉ đạo và điều hành các hoạt động SXKD, đầu tư xây dựng, tổ chức bộ máy, phát triển nguồn nhân lực,... đáp ứng theo yêu cầu thực hiện các chương trình mục tiêu và các định hướng chiến lược đã được HĐQT Công ty xác định.
- BKS kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty trên Website của Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước... theo các quy định của pháp luật.

**Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác**

- Trong năm 2019, Ban Kiểm soát, HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã duy trì sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi trên nguyên tắc vì lợi ích chung của Công ty, của cổ đông nhưng vẫn duy trì sự độc lập của mình trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty.
- BKS thực hiện đúng Quy chế hoạt động của Ban và đã phân công phân nhiệm các thành viên trong BKS tập trung vào những hoạt động giám sát và kiểm tra trên một số lĩnh vực của Công ty như sau:
  - Thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty và giám sát việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch đã được ĐHCĐ thông qua.
  - Tham gia các cuộc họp thường kỳ của HĐQT để nắm bắt việc điều hành chỉ đạo cũng như việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ.
  - Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết Đại hội cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị và các quyết định, quy chế chỉ thị của Công ty.
  - Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý của Công ty, xem xét các ảnh hưởng trong công tác kế toán và thẩm tra tính trung thực của Báo cáo tài chính. Giám sát việc huy động, sử dụng và quản lý nguồn vốn của Công ty.
  - Thực hiện kiểm tra thường kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty năm 2019. Việc kiểm tra được thực hiện phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.



## Các giao dịch, thù lao và khoản lợi ích

### Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Lương	Thưởng	Lợi ích khác
<b>1</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>			
	Ông Nguyễn Trọng Oánh	933.795.200	109.058.000	-
	Ông Lê Văn Quang	-	-	-
	Ông Đỗ Minh Lộc	-	-	-
<b>2</b>	<b>Ban kiểm soát</b>			
	Ông Ngô Thế Long	775.526.400	96.941.000	-
	Ông Hoàng Văn Long	148.636.800	18.579.500	-
	Bà Bùi Thị Thu trang	148.636.800	18.579.500	-
<b>3</b>	<b>Ban Điều hành</b>			
	Ông Lê Văn Quang	895.998.600	105.019.000	-
	Ông Nguyễn Đình Chiến	793.574.800	92.902.000	-
	Ông Đỗ Minh Lộc	796.316.800	92.902.000	-
	Bà Phạm Thị Hồng Hà	728.947.600	84.823.000	-

### Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm

Không phát sinh.

### Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không phát sinh.



### Tình hình thực hiện các quy định về quy chế quản trị Công ty năm 2019

- Quản trị Công ty được EVNHPC DHD xác định là yếu tố cốt lõi để đảm bảo tăng trưởng hiệu quả, phát triển bền vững trong dài hạn. Bên cạnh việc xây dựng một cơ cấu quản trị vững mạnh trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam kết hợp với việc vận dụng các thông lệ quốc tế về quản trị Công ty, EVNHPC DHD đã ban hành hệ thống các quy chế quản lý nội bộ nhằm tạo ra một cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự hài hòa với lợi ích của các bên liên quan bao gồm khách hàng, người lao động và cộng đồng.
- Năm 2019, Công ty đã tiếp tục rà soát và nâng cao năng lực của hệ thống quản trị, hướng tới các mục tiêu chính là: hoàn thiện toàn bộ hệ thống quản trị hướng tới các thông lệ quản trị tốt nhất trên thị trường nhưng đảm bảo phát huy được bản sắc riêng và các giá trị cốt lõi của EVNHPC DHD; tối ưu hóa các công cụ quản trị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng năng suất lao động, đồng thời phải gắn được lợi ích của từng cá nhân với hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị Công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.





# PHẦN VI

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### KIỂM TOÁN NĂM 2019



Ý kiến của kiểm toán viên



Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra kết luận ngoại trừ nhưng muốn lưu ý tới thuyết minh 3(b)(ii) trong báo cáo tài chính hợp nhất. Nhóm Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2017 ("Nghị định 10"). Theo hướng dẫn của Nghị định 10, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phân ánh trong phần "Vốn chủ sở hữu" và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định này có sự khác biệt so với Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày tại Thuyết minh 3(b)(ii) của báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00315-20-4



Auvarin Phoi  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2252-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0436-2019-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2020

### Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
<b>TÀI SẢN</b>			
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>	<b>1.960.440.525.002</b>	<b>2.596.281.287.493</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>730.564.116.171</b>	<b>212.882.538.874</b>
Tiền	111	123.790.305.186	112.882.538.874
Các khoản tương đương tiền	112	606.773.810.985	100.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>685.897.861.813</b>	<b>1.136.444.857.992</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	685.897.861.813	1.136.444.857.992
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>452.817.305.174</b>	<b>1.202.619.953.730</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	358.393.390.591	702.724.084.112
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	44.047.760.014	214.455.345.488
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	200.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	50.376.154.569	85.487.274.130
Dự phòng phải thu khó đòi	137	-	(46.750.000)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>89.198.264.643</b>	<b>41.094.736.869</b>
Hàng tồn kho	141	89.198.264.643	41.094.736.869
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>1.962.977.201</b>	<b>3.239.200.028</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1.734.874.568	299.627.449
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	-	2.925.813.240
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	228.102.633	13.759.339

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>	<b>7.271.262.527.287</b>	<b>6.464.944.606.866</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>799.932.824.894</b>	<b>599.932.824.894</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	799.932.824.894	599.932.824.894
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>5.764.183.782.771</b>	<b>3.883.150.920.002</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.763.347.963.176	3.882.162.216.603
Nguyên giá	222	14.780.687.683.939	12.582.084.046.249
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(9.017.339.720.763)	(8.699.921.829.646)
Tài sản cố định vô hình	227	835.819.595	988.703.399
Nguyên giá	228	1.528.838.057	1.528.838.057
Giá trị hao mòn lũy kế	229	(693.018.462)	(540.134.658)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>402.864.223.360</b>	<b>1.804.706.088.811</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	402.864.223.360	1.804.706.088.811
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>288.483.008.655</b>	<b>150.977.821.208</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252	43.143.008.655	39.637.821.208
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	37.360.000.000	37.360.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	207.980.000.000	73.980.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>15.798.687.607</b>	<b>26.176.951.951</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14.086.419.514	24.400.771.519
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	1.712.268.093	1.776.180.432
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>	<b>9.231.703.052.289</b>	<b>9.061.225.894.359</b>

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>			
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310 + 330)	<b>300</b>	<b>3.041.734.151.393</b>	<b>3.218.827.839.962</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>756.961.116.404</b>	<b>1.393.534.785.038</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	88.058.439.092	312.454.616.844
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	2.497.345.582	1.085.269.594
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	95.194.436.129	274.327.697.589
Phải trả người lao động	314	21.317.713.475	22.390.483.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12.616.328.842	16.543.647.139
Phải trả ngắn hạn khác	319	2.595.232.793	214.081.801.970
Vay ngắn hạn	320	528.658.352.617	548.042.895.691
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	6.023.267.874	4.608.373.211
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>2.284.773.034.989</b>	<b>1.825.293.054.924</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	35.587.067.377	95.970.720.475
Phải trả dài hạn khác	337	-	3.956.393.122
Vay dài hạn	338	2.249.185.967.612	1.725.365.941.327
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410)	<b>400</b>	<b>6.189.968.900.896</b>	<b>5.842.398.054.397</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>6.189.968.900.896</b>	<b>5.842.398.054.397</b>
Vốn cổ phần	411	4.224.000.000.000	4.224.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414	402.839.889.104	128.754.171.541
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	(8.452.600.340)	(48.049.098.769)
Quỹ đầu tư phát triển	418	116.360.737.618	5.670.476.932
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1.406.517.581.598	1.481.250.828.449
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a	360.230.274.516	411.338.775.838
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	1.046.287.307.082	1.069.912.052.611
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	48.703.292.916	50.771.676.244
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>	<b>9.231.703.052.289</b>	<b>9.061.225.894.359</b>

Ngày 5 tháng 3 năm 2020

Người lập:

Lê Xuân Phong  
Kế toán tổng hợp

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Người duyệt:

Phạm Thị Hồng Hà  
Kế toán trưởng

Lê Văn Quang  
Tổng Giám đốc



**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

Mẫu B 02 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	2.195.242.396.344	2.398.560.602.153
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	26	843.171.721.613	789.098.811.425
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>1.352.070.674.731</b>	<b>1.609.461.790.728</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	131.638.545.109	131.341.733.880
Chi phí tài chính	22	28	149.905.783.589	92.148.896.115
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		55.082.600.412	48.941.728.266
Lãi từ công ty liên kết	24	5(b)	6.764.087.447	12.020.998.350
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	59.771.753.817	58.754.767.277
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - 26}</b>	<b>30</b>		<b>1.280.795.769.881</b>	<b>1.601.920.859.566</b>
Thu nhập khác	31		83.902.987	126.758.482
Chi phí khác	32		6.046.298.441	1.078.134.584
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(5.962.395.454)</b>	<b>(951.376.102)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>1.274.833.374.427</b>	<b>1.600.969.483.464</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	227.317.526.357	316.746.641.701
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	31	-	(954.580.123)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>1.047.515.848.070</b>	<b>1.285.177.421.886</b>

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 02 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	60		1.047.515.848.070	1.285.177.421.886
<b>Phân bổ:</b>				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.046.287.307.082	1.281.112.052.611
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.228.540.988	4.065.369.275
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	2.477	3.033

Ngày 5 tháng 3 năm 2020

Người lập:

  
 Lê Xuân Phong  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

  
 Phạm Thị Hồng Hà  
 Kế toán trưởng

  
 Lê Văn Quang  
 Tổng Giám đốc



**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.274.833.374.427	1.600.969.483.464
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		316.828.108.415	240.641.060.532
Các khoản dự phòng	03		(46.750.000)	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		30.708.505.457	43.207.167.849
Lãi tiền gửi	05		(106.365.848.409)	(126.733.502.533)
Cổ tức được chia	05		(8.988.603.500)	(4.500.975.900)
Lãi từ công ty liên kết	05		(6.764.087.447)	(12.020.998.350)
Chi phí lãi vay	06		55.082.600.412	48.941.728.266
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>1.555.287.299.355</b>	<b>1.790.503.963.328</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(166.454.962.775)	245.559.869.740
Biến động hàng tồn kho	10		(48.035.703.435)	(5.204.420.188)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(19.340.244.710)	13.908.743.333
Biến động chi phí trả trước	12		8.879.104.886	19.166.968.651
			<b>1.330.335.493.321</b>	<b>2.063.935.124.864</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(59.009.918.709)	(18.788.333.546)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(364.878.499.616)	(195.848.847.686)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(16.686.605.337)	(20.348.244.948)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>889.760.469.659</b>	<b>1.828.949.698.684</b>

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(878.730.584.794)	(896.052.785.156)
Tiền chi cho vay và đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	23		(644.585.278.480)	(1.428.788.746.881)
Tiền thu hồi cho vay và đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	24		989.663.690.943	494.817.781.781
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		39.483.862.484	26.252.326.122
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(494.168.309.847)</b>	<b>(1.803.771.424.134)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông không kiểm soát	31		-	3.967.500.000
Tiền thu từ đi vay	33		1.028.501.728.612	420.321.891.861
Tiền trả nợ gốc vay	34		(45.475.138.395)	(4.226.313.202)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông	36		(857.577.172.732)	(687.326.129.728)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	36		(3.360.000.000)	(5.242.900.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>122.089.417.485</b>	<b>(272.505.951.069)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>517.681.577.297</b>	<b>(247.327.676.519)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>212.882.538.874</b>	<b>460.210.215.393</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>730.564.116.171</b>	<b>212.882.538.874</b>

Ngày 5 tháng 3 năm 2020

Người lập:  
  
 Lê Xuân Phong  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:  
  
 Phạm Thị Hồng Hà  
 Kế toán trưởng

  
  
 Lê Văn Quang  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi) theo Quyết định số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Tập đoàn Điện Lực Việt Nam và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần kể từ ngày 7 tháng 10 năm 2011.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Công ty và công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") và các lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết.

Theo Quyết định số 427/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty bắt đầu đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) với mã cổ phiếu là DNH. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có hơn 100 cổ đông và vốn cổ phần của Công ty là 4.224.000.000.000 VND (1/1/2019: 4.224.000.000.000 VND).

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là:

- sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy thủy điện;
- kinh doanh vật tư, thiết bị; lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp;
- đầu tư xây dựng và lắp đặt công trình thủy điện, nhiệt điện, địa nhiệt, phong nhiệt, năng lượng mặt trời, dầu khí, trạm điện và đường dây tải điện đến cấp điện áp 220 KV; và
- tư vấn lập dự toán đầu tư, quản lý dự án đầu tư, lập dự toán và tổng dự toán công trình dân dụng, công nghiệp dầu khí; sản xuất, sửa chữa, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị và phụ kiện, cấu kiện, thép bê tông và cung ứng vật tư thiết bị ngành điện.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Cấu trúc Nhóm Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2019: 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết) với thông tin chi tiết như sau:

Tên đơn vị	Hoạt động sản xuất kinh doanh chính	31/12/2019		1/1/2019	
		% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết
<b>Công ty con sở hữu trực tiếp</b>					
Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.	70%	70%	70%	70%
<b>Công ty liên kết</b>					
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Sản xuất, truyền tải, và phân phối điện.	20%	20%	20%	20%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Nhóm Công ty có 284 nhân viên (1/1/2019: 273 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**(iii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại công ty con, Nhóm Công ty dùng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Công ty mẹ vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(iv) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dùng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

**(b) Ngoại tệ**

**(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(ii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia**

Theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2017 ("Nghị định 10"), các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong phần "Vốn chủ sở hữu" và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định 10 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ phát sinh.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Nếu Nhóm Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản nhất quán theo Thông tư 200 qua các kỳ thì chi phí tài chính sẽ giảm 39.596.498.429 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sẽ tăng 7.919.299.686 VND VND và lợi nhuận thuần sau thuế sẽ giảm 31.677.198.743 VND cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018: chi phí tài chính sẽ tăng 34.350.995.732 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sẽ giảm 6.870.199.146 VND và lợi nhuận thuần sau thuế sẽ giảm 27.480.796.586 VND), số chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần "Vốn chủ sở hữu" sẽ tăng 8.452.600.340 VND, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ giảm 1.690.520.068 VND và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ giảm 6.762.080.272 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: số chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần "Vốn chủ sở hữu" sẽ tăng 48.049.098.769 VND, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ giảm 9.609.819.754 VND và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ giảm 38.439.279.015 VND).

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	8 – 10 năm
▪ phương tiện vận tải	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản cố định khác	3 năm



**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Nhóm Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**Công cụ dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(m) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(n) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư và phát triển của Nhóm Công ty được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán điện**

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(s) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**(t) Lãi trên cổ phiếu**

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tiền mặt	553.225.264	381.217.546
Tiền gửi ngân hàng	123.237.079.922	112.501.321.328
Các khoản tương đương tiền	606.773.810.985	100.000.000.000
	730.564.116.171	212.882.538.874

(\*) Các tài khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Bảo Lộc đang được dùng để thế chấp cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Phát triển Châu Á (Thuyết minh 18).

**5. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2019		1/1/2019	
	Số lượng	Giá gốc VND Giá trị hợp lý VND	Số lượng	Giá gốc VND Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn		685.897.861.813 685.897.861.813		1.136.444.857.992 1.136.444.857.992
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn		200.000.000.000 200.000.000.000		66.000.000.000 66.000.000.000
▪ Trái phiếu (*)	798	7.980.000.000 (**)	798	7.980.000.000 (**)
		207.980.000.000		73.980.000.000

Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày báo cáo, hưởng lãi suất năm dao động từ 5% đến 7,1% trong năm (2018: 5% đến 7% trong năm).

Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn là tiền gửi ngân hàng có thời gian đáo hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo, hưởng lãi suất năm là 6,6% trong năm (2018: 7%).

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(\*) Bao gồm trái phiếu ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có giá trị 5 tỷ VND (2018: 5 tỷ VND), phát hành ngày 14 tháng 11 năm 2017 có kỳ hạn 10 năm và trái phiếu ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có giá trị 2,98 tỷ VND (2018: 2,98 tỷ VND), phát hành ngày 19 tháng 12 năm 2018 có kỳ hạn 10 năm. Lãi suất áp dụng lần lượt là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ 1,2%/năm và 1%/năm. Trong đó lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND có kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng gồm: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày xác định lãi suất.

(\*\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2019		1/1/2019					
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ/giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>								
• Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình (i)	3.267.920	20%	20%	43.143.008.655	-	(*)	3.267.920	39.637.821.208
<b>Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</b>								
• Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	2.579.069	3,3%	3,3%	24.560.000.000	-	67.829.514.700	2.579.069	24.560.000.000
• Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	1.280.000	1%	1%	12.800.000.000	-	29.568.000.000	1.280.000	12.800.000.000
				37.360.000.000				37.360.000.000
				80.503.008.655				76.997.821.208

Không có biến động về dự phòng đầu tư tài chính trong năm 2019 và năm 2018.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (\*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình ("Thuận Bình") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3400675644 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009. Hoạt động chính của Thuận Bình là sản xuất, truyền tải và kinh doanh điện năng.

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	39.637.821.208	27.616.822.858
Phân lợi nhuận trong công ty liên kết	6.764.087.447	12.020.998.350
Chia cổ tức	(3.258.900.000)	-
	43.143.008.655	39.637.821.208

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết tại ngày báo cáo như sau:

Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình

	Tổng tài sản VND	Tổng nợ phải trả VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận thuần sau thuế VND
Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	844.606.603.310	626.315.014.045	218.291.589.265	37.409.462.079
Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	833.447.265.592	634.477.138.406	198.970.127.186	59.959.323.699

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty Mua Bán Điện	347.656.889.213	690.253.022.770
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	3.821.709.877	9.187.709.547
Các khách hàng khác	6.914.791.501	3.283.351.795
	<u>358.393.390.591</u>	<u>702.724.084.112</u>

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty Mua Bán Điện	347.656.889.213	690.253.022.770
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	3.821.709.877	9.187.709.547
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	447.115.350	-
	<u>351.925.712.440</u>	<u>709.440.732.317</u>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là từ 30 - 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	47.928.933.233	74.746.011.560
Cổ tức được chia	1.973.424.200	-
Ký quỹ	-	1.021.529.016
Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa kê khai	-	2.581.748.064
Phải thu khác	473.797.136	7.137.985.490
	<u>50.376.154.569</u>	<u>85.487.274.130</u>

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**8. Hàng tồn kho**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Nguyên vật liệu	86.724.214.214	38.711.665.196
Công cụ và dụng cụ	772.852.401	552.002.186
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.701.198.028	1.831.069.487
	<u>89.198.264.643</u>	<u>41.094.736.869</u>

**9. Phải thu về cho vay**

**(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	1/1/2019 VND	Biến động trong năm	31/12/2019 VND
		Tăng VND	Giảm VND (*)
Phải thu về cho vay dài hạn đến hạn thu hồi (b)	200.000.000.000	-	(200.000.000.000)
	<u>200.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>(200.000.000.000)</u>

(\*) Khoản phải thu về cho vay dài hạn đến hạn thu hồi từ 2019 đã được gia hạn sang 2024.

**(b) Phải thu về cho vay dài hạn**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Phải thu về cho vay dài hạn	599.932.824.894	799.932.824.894
Khoản cho vay dài hạn đến hạn trả được gia hạn (Thuyết minh 9(a))	200.000.000.000	-
Khoản đến hạn thu trong vòng 12 tháng	-	(200.000.000.000)
	<u>799.932.824.894</u>	<u>599.932.824.894</u>

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều kiện và điều khoản của các khoản phải thu về cho vay dài hạn như sau:

	Tiền tệ	Năm đáo hạn	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Phải thu về cho vay				
Tổng Công ty Phát điện 1				
Khoản cho vay 1	VND	2024	200.000.000.000	200.000.000.000
Khoản cho vay 2	VND	2025	150.000.000.000	150.000.000.000
Khoản cho vay 3	VND	2025	449.932.824.894	449.932.824.894
			<u>799.932.824.894</u>	<u>799.932.824.894</u>

Các khoản phải thu về cho vay Tổng Công ty Phát điện 1, công ty mẹ, không có đảm bảo và có thời hạn cho vay là 5 năm. Lãi suất được xác định bằng lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Hội sở chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại ngày xác định lãi suất cộng với biên độ 2,5%/năm. Trong năm, các khoản phải thu về cho vay này hưởng lãi suất năm dao động từ 8,9%/năm (2018: 8,5% đến 9%/năm). Nợ gốc vay được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn khoản vay.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	8.242.184.775.798	4.235.436.917.899	60.192.230.907	44.016.241.138	253.880.507	12.582.084.046.249	59.539.313.454
Tăng trong năm	-	54.564.812.600	2.534.299.091	2.440.201.763	-	-	-
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	510.594.120.814	1.614.398.724.464	10.563.051.058	3.512.339.900	-	-	2.139.068.236.236
Giảm khác	-	(3.912.000)	-	-	-	-	(3.912.000)
Số dư cuối năm	8.752.778.896.612	5.904.396.542.963	73.289.581.056	49.968.782.801	253.880.507	14.780.687.683.939	8.699.921.829.646
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư đầu năm	4.560.669.693.241	4.049.144.490.426	46.919.456.173	42.934.309.299	1.690.071.254	317.417.891.117	8.699.921.829.646
Khấu hao trong năm	204.032.804.166	108.244.351.637	3.450.664.060	1.690.071.254	-	-	317.417.891.117
Số dư cuối năm	4.764.702.497.407	4.157.388.842.063	50.370.120.233	44.624.380.553	253.880.507	9.017.339.720.763	8.699.921.829.646
<b>Giá trị còn lại</b>							
Số dư đầu năm	3.681.515.082.557	186.292.427.473	13.272.774.734	1.081.931.839	-	3.882.162.216.603	3.882.162.216.603
Số dư cuối năm	3.988.076.399.205	1.747.007.700.900	22.919.460.823	5.344.402.248	-	5.763.347.963.176	5.763.347.963.176

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản cố nguyên giá 3.352.679.206.143 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang sử dụng (1/1/2019: 2.880.092.559.856 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh 18(b), các tài sản hình thành từ các khoản đi vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay này. Các tài khoản tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Bảo Lộc (Thuyết minh 4), tài sản cố định là tấm pin mặt trời, máy biến tần và trạm biến áp của dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi được sử dụng để thế chấp cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Phát triển Châu Á.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 466.799.668.234 VND được thế chấp tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – chi nhánh Ninh Thuận để đảm bảo cho chính khoản vay ngân hàng này của Nhóm Công ty (1/1/2019: là 316.322.842.040 VND) (thuyết minh 18(b)).

## 11. Tài sản cố định vô hình

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	1.528.838.057
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	540.134.658
Khấu hao trong năm	152.883.804
Số dư cuối năm	693.018.462
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	988.703.399
Số dư cuối năm	835.819.595

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 12. Xây dựng cơ bản dở dang

	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
Số dư đầu năm	1.804.706.088.811	720.972.109.699
Tăng trong năm	729.688.004.215	1.126.942.504.122
Lãi vay vốn hóa trong năm	7.538.366.570	7.170.325.458
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.139.068.236.236)	(50.378.850.468)
Số dư cuối năm	402.864.223.360	1.804.706.088.811

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND</b>
Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim (*)	381.845.141.005	1.170.048.389.689
Dự án Nhà máy Điện Mặt trời Đa Mi (**)	21.019.082.355	472.216.239.013
Các công trình khác	-	162.441.460.109
	402.864.223.360	1.804.706.088.811

(\*) Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim ("Dự án") được phê duyệt đầu tư xây dựng theo Quyết định số 6934/QĐ-BCT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương. Mục tiêu của Dự án nhằm mở rộng thêm 1 tổ máy 80MW cho Nhà máy Thủy điện Đa Nhim hiện hữu, nâng tổng công suất nhà máy từ 160MW lên 240MW. Tổng mức đầu tư dự kiến là 1.952.591.601.000 VND (tương đương 92,28 triệu USD). Nguồn vốn đầu tư của Dự án được tài trợ từ vốn vay Quỹ hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của Chính phủ Nhật Bản (85%) và vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam (15%). Giai đoạn 1 của dự án đã hoàn thành và đi vào vận hành thương mại từ tháng 4 năm 2019. Tài sản hình thành từ Dự án được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty (thuyết minh 18(b)).

(\*\*) Dự án Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi ("Dự án") được phê duyệt đầu tư xây dựng theo Quyết định số 2960/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2018 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Thuận. Mục tiêu của Dự án nhằm bổ sung vào hệ thống điện Quốc gia nguồn năng lượng sạch, với công suất 47,5 MW. Tổng mức đầu tư dự kiến 1.312.917.000.000 VND. Nguồn vốn đầu tư của Dự án được tài trợ từ vốn của chủ đầu tư (30%), vốn vay thương mại trong nước (20%) và vốn vay nước ngoài (50%). Dự án đã đi vào hoạt động từ tháng 6 năm 2019.

## 13. Chi phí trả trước

### (a) Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh chi phí bảo hiểm trả trước và các khoản lệ phí đường bộ.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	22.401.314.875	1.999.456.644	24.400.771.519
Tăng trong năm	1.687.191.762	9.399.491.853	11.086.683.615
Phân bổ trong năm	(19.741.344.713)	(1.659.690.907)	(21.401.035.620)
Số dư cuối năm	4.347.161.924	9.739.257.590	14.086.419.514

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	38.359.567.905	61.491.762.346
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thanh An	27.036.659.939	-
GE Power India Limited	20.218.320.144	32.513.446.998
Công ty TNHH Cơ điện Minh Anh	10.867.574.247	898.805.983
Viện Nghiên cứu Cơ khí	9.017.558.460	96.223.385.417
Powerchina Huadong Engineering Corporation Limited	-	167.150.383.884
Các nhà cung cấp khác	18.145.825.774	50.147.552.691
	123.645.506.469	408.425.337.319

**(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Ngắn hạn	88.058.439.092	312.454.616.844
Dài hạn	35.587.067.377	95.970.720.475
	123.645.506.469	408.425.337.319

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Khoản phải trả người bán dài hạn sẽ được hoàn trả trong vòng 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành công trình dự kiến trong năm 2021.

**(c) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty Cổ phần Xây lắp điện 1	8.504.484.181	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	178.370.587	45.745.920
Trung Tâm Thông Tin Điện Lực	4.448.400	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	-	1.080.082.440
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	-	96.461.932

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 - 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2019 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.211.528.566	151.537.946.529	(147.720.672.363)	-	6.028.802.732
Thuế thu nhập doanh nghiệp	194.025.641.701	227.317.526.357	(364.878.499.616)	228.102.633	56.692.771.075
Thuế thu nhập cá nhân	2.078.582.165	5.396.853.388	(7.356.267.774)	-	119.167.779
Thuế tài nguyên	24.396.400.519	244.903.219.408	(266.167.128.316)	-	3.132.491.611
Các loại thuế khác	51.615.544.638	139.389.838.114	(161.784.179.820)	-	29.221.202.932
	274.327.697.589	768.545.383.796	(947.906.747.889)	228.102.633	95.194.436.129

**(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã cán trừ trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2019 VND
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	13.759.339	-	(13.759.339)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	228.102.633	228.102.633
	13.759.339	-	(13.759.339)	228.102.633	228.102.633

34

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Chi phí phải trả**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Chi phí lãi vay	12.616.328.842	16.543.647.139

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Cổ tức phải trả	1.920.000.000	213.600.000.000
Phải trả, phải nộp khác	675.232.793	481.801.970
	2.595.232.793	214.081.801.970

**18. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2019 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm			31/12/2019 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	548.042.895.691	528.658.352.617	(558.708.750.338)	10.665.854.647	528.658.352.617

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

Biến động các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	1.725.365.941.327	1.772.882.117.629
Giải ngân trong năm	1.028.501.728.612	420.321.891.861
Trả gốc trong năm	(11.306.275.173)	(4.226.313.202)
Chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(528.658.352.617)	(548.042.895.691)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	35.282.925.463	84.431.140.730
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.249.185.967.612</b>	<b>1.725.365.941.327</b>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Năm			31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
	Tiền tệ	đáo hạn	Lãi suất năm		
Vay từ Tập đoàn Điện Lực Việt Nam					
Khoản vay 1 (i)	JPY	2020	3,21%	389.601.848.586	832.412.924.827
Khoản vay 2 (ii)	JPY	2021	2,75%	74.874.772.056	122.510.492.116
Vay từ Công ty Tài Chính Cổ phần Điện Lực					
Khoản vay 1 (iii)	JPY	2044	0,01% - 1,4%	1.139.383.599.423	1.006.691.746.449
Vay từ Ngân hàng phát triển Châu Á					
Khoản vay 1 (iv)	USD	2034	Lãi suất biến đổi	859.510.000.000	-
Vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Ninh Thuận					
Khoản vay 1 (v)	VND	2029	Lãi suất biến đổi	314.474.100.164	311.793.673.626
				<b>2.777.844.320.229</b>	<b>2.273.408.837.018</b>

- (i) Theo Hợp đồng cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 05/2007/DN/EVN/TCKT ngày 30 tháng 8 năm 2007. Khoản vay được sử dụng để đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi và chịu lãi suất năm là 3,21%/năm. Thời hạn cho vay lại là 11 năm 6 tháng, gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 15 tháng 1 và ngày 15 tháng 7 hàng năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (thuyết minh 10 và thuyết minh 12).

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (ii) Theo Hợp đồng cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 01/2013/EVN/TCKT ngày 20 tháng 9 năm 2013. Khoản vay được sử dụng để đầu tư dự án Phục hồi hệ thống điện Đa Nhim và chịu lãi suất năm là 2,3%/năm, phí quản lý khoản vay là 0,2%/năm và phí cho vay lại là 0,25%/năm. Thời hạn cho vay lại là 7 năm 6 tháng, gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 20 tháng 2 và ngày 20 tháng 8 hàng năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (thuyết minh 10 và thuyết minh 12).
- (iii) Theo Hợp đồng cho vay lại vốn vay ưu đãi Chính phủ của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 01/2015/HĐCVL/TCĐL-ĐHĐ/ĐNMR ngày 8 tháng 7 năm 2015. Khoản vay được sử dụng để đầu tư Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim và chịu lãi suất năm là 0,91%/năm đối với các khoản vay cho các hạng mục tư vấn; 1,4%/năm đối với các khoản vay cho các hạng mục xây lắp, thiết bị, và phí cho vay lại là 0,2%/năm. Thời hạn cho vay lại là 25 năm trong đó có thời gian ân hạn là 5 năm kể từ ngày 28 tháng 2 năm 2014, gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 20 tháng 1 và ngày 20 tháng 7 hàng năm sau khi kết thúc thời gian ân hạn, ngày trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 1 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (thuyết minh 12) và tài sản Nhà máy Thủy điện Đa Nhim hiện hữu công suất lắp máy 160MW (thuyết minh 10).
- (iv) Theo Hợp đồng cho vay giữa Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ngày 26 tháng 9 năm 2019. Khoản vay được sử dụng để tài trợ cho dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi. Đối với phần dư nợ 214.877.500.000 VND (tương đương 9.250.000 USD) chịu lãi suất thả nổi bằng LIBOR + biên độ lãi suất 3,65%/năm. Đối với phần dư nợ 296.182.500.000 VND (tương đương 12.750.000 USD) chịu lãi suất bằng chi phí hoán đổi lãi suất cố định + biên độ lãi suất 3,65%/năm. Đối với phần dư nợ 348.450.000.000 VND (tương đương 15.000.000 USD) chịu lãi suất cố định là 2,5%/năm. Thời hạn vay là 15 năm trong đó thời gian ân hạn được tính từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 23 tháng 12 năm 2019) đến kỳ trả nợ đầu tiên (ngày 15 tháng 9 năm 2020). Gốc và lãi vay sẽ được trả 2 lần một năm vào ngày 15 tháng 3 và ngày 15 tháng 9 hàng năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng:
- Các tài khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Bảo Lộc (Thuyết minh 4).
  - Tài sản cố định là tấm pin mặt trời, máy biến tần và trạm biến áp của dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi (Thuyết minh 10)
- (v) Theo hợp đồng vay số 1/4/HĐTD ngày 22 tháng 4 năm 2011. Khoản vay được sử dụng để thanh toán một phần chi phí thực hiện Dự án Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 1 và 2. Khoản vay có thời hạn cho vay là 18 năm kể từ lần rút vốn đầu tiên, trong đó có 2 năm ân hạn. Lãi suất được xác định bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – chi nhánh Ninh Thuận tại thời điểm giải ngân và thời điểm điều chỉnh lãi suất theo định kỳ 6 tháng 1 lần (+) cộng phí thỏa thuận là 2,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 466.799.668.234 VND (1/1/2019: 316.322.842.040 VND) (thuyết minh 10).

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	4.608.373.211	6.590.039.709
Trích lập trong năm (thuyết minh 20)	18.101.500.000	18.366.578.450
Sử dụng trong năm	(16.686.605.337)	(20.348.244.948)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.023.267.874</b>	<b>4.608.373.211</b>

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	4.224.000.000.000	74.872.484.114	(13.698.103.037)	44.452.164.359	1.205.125.354.288	50.381.706.969	5.585.133.606.693
Phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-	3.967.500.000	3.967.500.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.281.112.052.611	4.065.369.275	1.285.177.421.886
Cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	-	(760.320.000.000)	(5.242.900.000)	(765.562.900.000)
Tạm ứng cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	-	(211.200.000.000)	(2.400.000.000)	(213.600.000.000)
Chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	-	53.881.687.427	-	(53.881.687.427)	-	-	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	15.100.000.000	(15.100.000.000)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(18.366.578.450)	-	(18.366.578.450)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh 22)	-	-	(34.350.995.732)	-	-	-	(34.350.995.732)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>	4.224.000.000.000	128.754.171.541	(48.049.098.769)	5.670.476.932	1.481.250.828.449	50.771.676.244	5.842.398.054.397
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.046.287.307.082	1.228.540.988	1.047.515.848.070
Cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	-	(718.080.000.000)	(2.368.713.116)	(720.448.713.116)
Tạm ứng cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	-	-	(991.286.884)	(991.286.884)
Chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	-	274.021.476.654	-	(274.021.476.654)	-	-	-
Phân bổ vào các quỹ khác	-	64.240.909	-	(91.772.727)	-	27.531.818	-
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	384.803.510.067	(384.839.053.933)	35.543.866	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(18.101.500.000)	-	(18.101.500.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh 22)	-	-	39.596.498.429	-	-	-	39.596.498.429
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	4.224.000.000.000	402.839.889.104	(8.452.600.340)	116.360.737.618	1.406.517.581.598	48.703.292.916	6.189.968.900.896

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là :

	31/12/2019		1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	422.400.000	4.224.000.000.000	422.400.000	4.224.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	4.224.000.000.000	422.400.000	4.224.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Chi tiết vốn cổ phần của Công ty như sau:

	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	VND
Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty TNHH Một thành viên	99,93%	422.103.100	4.221.031.000.000
Các cổ đông khác	0,07%	296.900	2.969.000.000
	100%	422.400.000	4.224.000.000.000

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

## 22. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh khoản lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm liên quan đến xây dựng cơ bản Dự án mở rộng Nhà máy Đa Nhim. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi dự án này đi vào hoạt động thương mại phù hợp với hướng dẫn tại Nghị định 10 (thuyết minh 3(b)(ii)).

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 23. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 là 929.280 triệu VND (tương đương 2.200VND/ cổ phiếu), trong đó 211.200 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2018 (2018: 760.320 triệu VND, tương đương 1.800 VND/ cổ phiếu).

## 24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

### (a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	24.439	567.607.276	181.183	4.106.006.450

### (b) Cam kết chi tiêu vốn

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	391.707.329.670	1.665.904.880.720
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	494.161.528.915	1.539.859.042.097
	885.868.858.585	3.205.763.922.817

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

	2019 VND	2018 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán điện	2.177.105.770.500	2.385.079.816.822
▪ Cung cấp dịch vụ	18.136.625.844	13.480.785.331
	<u>2.195.242.396.344</u>	<u>2.398.560.602.153</u>

**26. Giá vốn hàng bán**

	2019 VND	2018 VND
Giá vốn bán điện	830.000.081.860	779.746.772.283
Giá vốn của dịch vụ đã cung ứng	13.171.639.753	9.352.039.142
	<u>843.171.721.613</u>	<u>789.098.811.425</u>

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2019 VND	2018 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	106.365.848.409	126.733.502.533
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.988.603.500	4.500.975.900
Lãi chênh lệch tỷ giá	16.284.093.200	107.255.447
	<u>131.638.545.109</u>	<u>131.341.733.880</u>

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**28. Chi phí tài chính**

	2019 VND	2018 VND
Chi phí lãi vay	55.082.600.412	48.941.728.266
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái giai đoạn xây dựng cơ bản (Thuyết minh 22)	39.596.498.429	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá thanh toán	24.518.179.291	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	30.708.505.457	43.207.167.849
	<u>149.905.783.589</u>	<u>92.148.896.115</u>

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân công	34.551.540.329	38.693.951.922
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.291.593.635	997.754.084
Thuế, phí và lệ phí	1.488.650.119	845.986.652
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	817.380.599	588.506.542
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	457.015.740	287.141.830
Hoàn nhập chi phí dự phòng	(46.750.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.684.417.368	8.725.305.235
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.527.906.027	8.616.121.012
	<u>59.771.753.817</u>	<u>58.754.767.277</u>

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	42.734.566.705	37.968.106.147
Chi phí nhân công	103.617.290.784	102.764.539.545
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	410.477.361	817.025.372
Chi phí khấu hao và phân bổ	316.828.108.415	240.641.060.532
Thuế, phí và lệ phí	365.453.981.487	406.892.810.475
Hoàn nhập chi phí dự phòng	(46.750.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.913.945.164	26.626.325.944
Chi phí khác	47.031.855.514	33.758.917.021

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**31. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2019 VND	2018 VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	227.317.526.357	316.666.272.336
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	80.369.365
	<u>227.317.526.357</u>	<u>316.746.641.701</u>
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	-	(954.580.123)
	<u>227.317.526.357</u>	<u>315.792.061.578</u>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.274.833.374.427	1.600.969.483.464
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	254.966.674.885	320.193.896.693
Thuế của phần thu nhập không bị tính thuế	(3.150.538.189)	(3.304.394.850)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.413.628.826	1.606.902.779
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	80.369.365
Ưu đãi thuế	(25.912.239.165)	(2.784.712.409)
	<u>227.317.526.357</u>	<u>315.792.061.578</u>

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Thuế suất áp dụng**

**(i) Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2018: 20%).

Dự án nhà máy Thủy điện Đa Nhim mở rộng và dự án Điện mặt trời Đa Mi được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án có thu nhập chịu thuế (từ năm 2019 đến năm 2022) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

**(ii) Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha**

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2018: 20%). Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế từ dự án đầu tư mở rộng (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2019 đến năm 2027).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi.

**32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền được tính như sau:

**(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (*)	1.046.287.307.082	1.281.112.052.611

(\*) Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo do Đại Hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này. Nếu Nhóm Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	2019	2018
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	422.400.000	422.400.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 1 tháng 1 năm 2019, Nhóm Công ty không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm ẩn.

**33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch cho năm	
	2019 VND	2018 VND
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>		
<b>Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Mua điện	3.151.575.218	2.186.893.067
Chi phí lãi vay	17.984.767.536	29.129.041.576
Khoản vay đã trả	506.555.119.580	-
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Phát điện 1</b>		
Lãi vay phải thu trong năm	72.182.827.268	72.587.237.752
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình</b>		
Cổ tức được chia	3.258.900.000	-
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Mua Bán Điện</b>		
Bán điện	2.108.835.010.810	2.325.221.494.075
<b>Tổng Công ty điện lực Miền Nam</b>		
Bán điện	68.270.759.690	61.562.650.912
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương</b>		
Cổ tức được chia	3.868.603.500	2.836.975.900
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ</b>		
Cổ tức được chia	5.120.000.000	1.664.000.000

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch cho năm 2019	2018
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2</b>		
Ứng trước hợp đồng xây dựng cơ bản	-	3.129.529.074
Chi phí dịch vụ	10.669.437.578	-
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3</b>		
Cung cấp dịch vụ	1.462.159.689	679.448.632
Chi phí dịch vụ	9.318.304.769	9.050.204.042
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4</b>		
Chi phí dịch vụ	198.969.091	1.113.716.872
<b>Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty Thủy điện Đại Ninh</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	54.300.000
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	114.990.000
<b>Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	71.400.000
Ứng trước hợp đồng dịch vụ	-	463.559.985
Chi phí dịch vụ	245.656.952	-
<b>Chi nhánh Công ty cổ phần Thủy điện miền Nam tại Lâm Đồng</b>		
Cung cấp dịch vụ	53.590.000	97.419.932
<b>Trung tâm Thông tin Điện lực – Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Chi phí dịch vụ	299.569.510	126.000.000
<b>Trung tâm Viễn thông và Công nghệ thông tin – Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Chi phí dịch vụ	-	850.372.646
<b>Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương	705.684.600	720.884.000
<b>Thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương	1.138.187.800	1.637.528.000
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
Tiền lương và thù lao	897.421.600	1.226.031.600

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**34. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	2019 VND	2018 VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	82.707.567.061	240.133.969.424
Thanh toán gốc vay bằng cách cản trừ với khoản phải thu khách hàng	524.539.887.116	-
Chi trả cổ tức bằng cách cản trừ với lãi vay phải thu	72.182.827.268	72.993.870.272
Lãi tiền gửi có kỳ hạn vốn hóa vào nợ gốc	28.531.416.284	2.636.111.111
Thanh toán lãi vay bằng cách cản trừ với khoản phải thu khách hàng	-	28.877.048.582
Chuyển tài sản cố định sang Hàng tồn kho	3.912.000	-

**35. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ngày 5 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Lê Xuân Phong  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Phạm Thị Hồng Hà  
Kế toán trưởng

Lê Văn Quang  
Tổng Giám đốc







Lâm Đồng, ngày 02 tháng 04 năm 2020

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**LÊ VĂN QUANG**